

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

ĐỀ TÀI CẤP ĐẠI HỌC HUẾ

**TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTAs)
ĐỐI VỚI NGÀNH DỆT MAY CỦA VIỆT NAM – QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CHỦ NHIỆM: TS. TRẦN VIỆT LONG

HUẾ, NĂM 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của Đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến Đề tài.....	4
3. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài.....	10
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Đề tài.....	11
5. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu.....	11
6. Những đóng góp của Đề tài.....	13
B. PHẦN NỘI DUNG.....	14
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU DỆT MAY VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA DOANH NGHIỆP.....	14
1.1. Khái quát về ngành Dệt may.....	14
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của ngành Dệt may.....	14
1.1.2. Các sản phẩm của Ngành Dệt may.....	17
1.2. Khái quát về hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may.....	18
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may.....	18
1.2.2. Vai trò xuất khẩu hàng Dệt may của doanh nghiệp đối với nền kinh tế.....	23
1.2.2.1. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước.....	24
1.2.2.2. Thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp Dệt may.....	25
1.2.2.3. Tăng cường hợp tác kinh tế, thúc đẩy thương mại địa phương phát triển....	26
1.2.2.4. Giải quyết việc làm, nâng cao trình độ cho người lao động.....	27
1.2.2.5. Tăng cường ứng dụng khoa học vào sản xuất, tiếp cận các công nghệ hiện đại Ngành Dệt may.....	27
1.3 Các nhân tố chi phối đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may..	28
1.3.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước.....	28
1.3.2. Năng lực của doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu Dệt may.....	30
1.3.3. Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may trong nước.....	32

1.3.4. Các nhân tố chi phối khác.....	32
1.4. Lý luận về tác động của FTAs đến doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may.....	34
1.4.1. Nhận diện tác động của FTAs đến doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may	34
1.4.2. Các dạng tác động của FTAs đến doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may.....	36
Kết luận Chương 1	39
CHƯƠNG 2. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA NGÀNH DỆT MAY QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	40
2.1. Tổng quan các quy định trong FTAs liên quan đến ngành Dệt may Việt Nam .	40
2.1.1. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc (VKFTA)	40
2.1.2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).....	45
2.1.3. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).....	50
2.2. Những tác động của FTAs đối với doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may của Việt Nam.....	53
2.2.1. Tác động từ quy định về Quy tắc xuất xứ	53
2.2.2. Tác động từ quy định về thủ tục hành chính	57
2.2.3. Tác động từ quy định về thủ tục hải quan	59
2.2.4. Tác động từ quy định về bảo vệ môi trường.....	60
2.2.5. Tác động từ quy định về chính sách cạnh tranh	62
2.3. Tác động của các Hiệp định thương mại tự do đối với ngành xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế.....	64
2.3.1. Những tác động tích cực mang lại cho ngành xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi FTAs.....	65
2.3.2. Những thách thức đặt ra đối ngành xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi Việt Nam thực thi FTAs.....	69
2.3.2.1. Những thách thức đặt ra từ năng lực của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	69
2.3.2.2. Thách thức đặt ra từ các cam kết pháp lý trong FTAs mà Việt Nam ký kết.....	72

Kết luận chương 2.....	77
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XUẤT KHẨU CỦA NGÀNH DỆT MAY Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHI THAM GIA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO	78
3.1. Định hướng cho việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu của ngành Dệt may khi thực thi các cam kết trong FTAs.....	78
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu của ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi cam kết trong FTAs	79
3.2.1. Đề xuất các giải pháp chung cho hoạt động xuất khẩu của ngành Dệt may cả nước	79
3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật	79
3.2.1.2. Giải pháp về chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước	82
3.2.2. Đề xuất các giải pháp riêng cho doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế.....	83
3.2.2.1. Giải pháp đối với doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	83
3.2.2.2. Đối với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.....	88
3.2.2.3. Đối với các cơ quan nhà nước liên quan trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.....	89
Kết luận chương 3.....	92
KẾT LUẬN.....	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Những cam kết thuế quan trong VKFTA và AKFTA	42
Bảng 2.2 : Các dòng thuế Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam trong VKFTA....	42
Bảng 2.3: Những dòng thuế Việt Nam cam kết xóa bỏ cho Hàn Quốc	43
Bảng 2.4. Lộ trình cam kết xóa bỏ thuế quan trong EVFTA	47
Bảng 2.5 Lộ trình xóa bỏ thuế quan mà các nước thành viên dành cho hàng dệt may của Việt Nam	51
Bảng 2.6. Tổng quan về các doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế tính đến năm 2016.....	64

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, với trào lưu nở rộ của các Hiệp định Thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA) đã mở ra cơ hội cho ngành kinh tế phát triển, đặc biệt là ngành sản xuất hàng hóa nhưng, đồng thời cũng đặt ra không ít những thách thức đối với sự phát triển kinh tế đất nước. Để định hướng phát triển thương mại hiệu quả, đặc biệt là hoạt động thương mại quốc tế, ngày 27/11/2001 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 13/2/2002 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động của Chính phủ số 35/2002/QĐ-TTg thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Bộ Chính trị. Chỉ trong một thời gian sau khi mở cửa thị trường, tăng cường thiết lập các quan hệ kinh tế, Việt Nam khẳng định được vị thế kinh tế của mình trong trường quốc tế. Các hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã tạo ra những bước đột phá về xuất nhập khẩu cho kinh tế quốc gia. Cụ thể, sau khi gia nhập WTO, ngành dệt may Việt Nam đã nhận được những đối xử tương tự như các nước thành viên WTO khác dành cho nhau, như nhận được sự ưu đãi đối xử tối huệ quốc, đối xử quốc gia, cơ chế giải quyết tranh chấp được bảo vệ trong khuôn khổ WTO, được hưởng lợi từ đầu tư nước ngoài, đi kèm với trình độ quản lý và kỹ thuật công nghệ mới, sau khi gia nhập WTO¹, hàng xuất khẩu dệt may của Việt Nam sẽ không còn chịu hạn ngạch khi xuất khẩu vào các nước thành viên khác.²

Trong bối cảnh đó đặt ra cho các doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức, đòi hỏi cần phải có kiến thức pháp lý, kiến thức kinh tế, thương mại quốc tế, năng lực cạnh tranh để tận dụng được những lợi ích và vượt qua những

¹ Nguyễn Anh Dương, Đặng Phương Dung, Báo cáo Việt Nam tham gia WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTA), “*Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu tại Việt Nam – VIE/61/94*”, Cục Xúc tiến thương mại, Bộ Công Thương.

² Từ 2005, trong khung khổ WTO, hạn ngạch đã được bãi bỏ đối với hàng dệt may. EU cũng bãi bỏ hạn ngạch đối với hàng dệt may của Việt Nam ngay từ thời điểm này.

thử thách mà các hiệp định thương mại phân tích trong đề tài yêu cầu qua các cam kết cụ thể để lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả

Dệt may được coi là một trong những ngành trọng điểm của nền công nghiệp Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia có kim ngạch xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới. Với tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2016 chọn là năm doanh nghiệp, tăng cường thúc đẩy phát triển toàn diện các thế mạnh về kinh tế của địa phương. Để hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đã thông qua đề án quy hoạch ngành dệt may đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo *Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*. Đây là bước khởi động tích cực với mục tiêu đưa lĩnh vực dệt may phát triển theo hướng bền vững và quy mô như: “Phát triển ngành dệt may Thừa Thiên Huế phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp của tỉnh; xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm dệt may của miền Trung; Phát triển tối đa thị trường nội địa (trong tỉnh, trong nước) đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu, lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho sự phát triển của ngành; Phát triển ngành theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa, ổn định, bền vững và hiệu quả. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ dệt may. Đẩy mạnh khâu nghiên cứu và thiết kế sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm; hình thành và phát triển ngành công nghiệp thời trang; Phát triển ngành gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp nông thôn”. Tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay có gần 40 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và gia công hàng dệt may, trong đó có khoảng 5 doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài quy mô. Nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn như HBI, Scavi, Dệt may Huế, Vinatex Hương Trà, May xuất khẩu Huế, Thiên An Phát, Thiên An Phú..., kim ngạch xuất khẩu mỗi năm đạt gần 500 triệu USD, chiếm gần

80% giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Thừa Thiên Huế.³ Theo thống kê của Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2015, về thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ vẫn là thị trường lớn nhất trong năm 2015 với kim ngạch ước đạt 298,69 triệu USD, chiếm 44,8%; Nhật Bản 110,52 triệu USD, chiếm 16,6% trong đó chủ yếu là các sản phẩm dệt may. Đây là cơ hội xuất khẩu lớn khi các quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản đều là các thành viên của các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia. Ngoài ra, một số thị trường nước ngoài là thành viên của các Hiệp định của WTO điều chỉnh hoạt động của ngành dệt may (Hiệp định Tổng quan về Thuế quan và Thương mại (1994), Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại, Hiệp định về Quy định xuất xứ); Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

Trước những cơ hội lớn từ các chính sách ưu đãi mà FTAs⁴ mang lại, doanh nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế bước đầu đã tiếp cận các quy định trong các Hiệp định thương mại như Hiệp định Tổng quan về Thuế quan và Thương mại (1994), Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại, Hiệp định về Quy định xuất xứ; Hiệp định thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA); Hiệp định thương mại Tự do Asean (AFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA); Hiệp định thương mại Tự do Asean – Hàn Quốc (AKFTA), và đồng thời khắc phục các rào cản để hội nhập hiệu quả như kiến thức pháp lý về thương mại quốc tế ở các thị trường cụ thể, đổi mới công nghệ, minh bạch thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển thị trường, nguồn cung nguyên vật liệu, kế hoạch tiếp cận thị trường... để có thể tận dụng tốt nhất cơ hội lớn do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.

Thực tế hiện nay, việc “đánh thức” dệt may ở tỉnh Thừa Thiên Huế để đón đầu các lợi thế về xuất khẩu mà FTAs⁵ mang lại còn nhiều bất cập khi đa số các

³ Thanh Hương, Trung tâm dệt may Huế nhiều việc cần phải làm, Báo Thừa Thiên Huế, <http://baothuathienhue.vn/trung-tam-det-may-tai-hue-con-nhieu-viec-can-lam-a9165.html>, Truy cập ngày 10 tháng 05 năm 2016.

⁴ FTAs được viết tắt từ tiếng Anh (Free Trade Agreement), và nghĩa tiếng Việt được hiểu là các Hiệp định thương mại tự do.

⁵ Hiệp định Tổng quan về Thuế quan và Thương mại (1994), Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại, Hiệp định về Quy định xuất xứ); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

doanh nghiệp dệt may ở Tỉnh có quy mô nhỏ và vừa, tiền lực tài chính yếu, thông tin về thị trường xuất nhập khẩu còn hạn chế... Mặc dù, nhân lực dồi dào nhưng chuyên môn người lao động ở tỉnh Thừa Thiên Huế còn hạn chế, tính kỷ luật cũng như cường độ làm việc còn chưa bắt kịp các yêu cầu chuyên môn hóa về sản xuất trong ngành dệt may,...trong khi đó đối tác trong FTAs đều đến từ những quốc gia phát triển, có trình độ công nghiệp cao như Hoa Kỳ, Nhật Bản hay Hàn Quốc.

Trước những cơ hội và thách thức đó, đề tài: ***“Tác động của các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) đối với ngành Dệt may của Việt Nam – Qua thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế”*** đi sâu phân tích thực trạng, các rào cản khi các doanh nghiệp dệt may ở tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia xuất khẩu sang thị trường các nước thành viên của các Hiệp định trong WTO (Hiệp định Tổng quan về Thuế quan và Thương mại (1994), Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại, Hiệp định về Quy định xuất xứ); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); Hiệp định thương mại Tự do Asean (AFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA); Hiệp định thương mại Tự do Asean – Hàn Quốc (AKFTA), và (*các Hiệp định này sau đây chúng tôi gọi là FTAs*). Đồng thời, xuất phát từ thực tiễn của tỉnh Thừa Thiên Huế, đề tài đề xuất các giải pháp chiến lược tổng thể và cụ thể giúp các doanh nghiệp dệt may ở địa phương như HBI, Scavi, Dệt may Huế, Vinatex Hương Trà, May xuất khẩu Huế, Thiên An Phát, Thiên An Phú,...nhận thức đúng về các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia, từ đó tận dụng một cách tốt nhất các ưu đãi thương mại, chính sách đối với ngành dệt may mà Hiệp định nói trên mang lại, góp phần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu đạt hiệu quả cao.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến Đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Liên quan đến lĩnh vực dệt may trong thương mại quốc tế đã trở thành hàng hóa có sự lưu thông rất mạnh giữa các thị trường thông quan hoạt động xuất nhập khẩu. Các hiệp định thương mại song phương, đa phương, hiệp định

thương mại tự do đã thúc đẩy sự phát triển thị trường dệt may ở các quốc gia. Đi đôi với sự phát triển kinh tế nói chung, thương mại trong ngành dệt may nói riêng nhiều đề tài, bài viết đã đề cập đến những nội dung pháp lý, những ưu đãi, những rào cản và các thách thức được phản ánh khá phong phú. Về dệt may đã nhiều công trình đã được tiếp cận đăng tải ở các bài báo, công trình khoa học nước ngoài đến thời điểm nghiên cứu tác giả thu thập được như:

- Global economic prospects (2016), Topical issue: Potential Macroeconomic Implications of the Trans-Pacific Partnership (Tạm dịch: Vấn đề thời sự: Ý nghĩa kinh tế vĩ mô tiềm năng Quan hệ đối tác xuyên Thái Bình Dương). Bài viết đề cập đến các nội dung liên quan về ưu đãi của TPP mang lại cho các thành viên 12 quốc gia ký kết, tăng cường hợp tác thương mại giữa các quốc gia và tạo động lực kích thích sự liên kết về thương mại giữa các quốc gia trong khối.

- Lee, H., and K. Itakura (2014), “TPP, RCEP, and Japan’s Agricultural Policy Reforms (Tạm dịch: TPP, RCEP, và Nhật Bản cải cách chính sách nông nghiệp), OSIPP Discussion Paper 14E003, Osaka, Japan. Trong bài báo này, tác giả so sánh tác động phúc lợi và mức độ điều chỉnh ngành dưới tác động của TPP. Mục tiêu của nghiên cứu này là để kiểm tra cải cách chính sách nông nghiệp của Nhật Bản về sản lượng nông nghiệp.

- Michaela D. Platzer, Nghiên cứu Quốc hội, U.S. Textile Manufacturing and the Trans-Pacific Partnership Negotiations Michaela D. Platzer, Congressional Research Service (Tạm dịch: Sản xuất dệt may của Hoa Kỳ và các cuộc đàm phán đối tác xuyên Thái Bình Dương). Nội dung nghiên cứu đề cập đến Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một thỏa thuận đề xuất của khu vực thương mại tự do (FTA) hiện đang được đàm phán giữa 12 quốc gia như tiến độ đàm phán, các quy định liên quan đến thương mại dệt may đã trở thành tâm điểm thảo luận. Báo cáo xem xét những tác động tiềm năng của thỏa thuận TPP, nếu đạt được, cho các ngành công nghiệp sản xuất dệt may của Hoa Kỳ.

- Nam Nguyen (2016), Vietnam's textile-garment industry in the post-TPP period (Tạm dịch: Ngành xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong TPP), Báo Vietnamnet Tiếng Anh. Bài viết đánh giá TPP sẽ giúp nâng cao sản lượng và xuất khẩu ở Việt Nam và tăng cường thương mại hàng hải của mình với Mỹ. Ngành dệt may được coi là một trong những ngành công nghiệp mà sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ TPP, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các nước tham gia Hiệp định TPP được dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong thời gian tới, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ.

- David Robinson, TPP may help Vietnam sew up clothing exports (Tạm dịch: TPP có thể giúp Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu quần áo). Bài viết đề cập đến các lợi ích mà Việt Nam có thể hưởng lợi từ các thỏa thuận thương mại Trans-Pacific Partnership do Mỹ dẫn đầu trong số bốn nước tham gia khu vực Đông Nam Á...

Ngoài ra, còn các bài viết liên quan đến đề tài như: *Lehmann, J. P. 2015. "Ce TPP, the WTO, the 21st Century Global Trade Mess and the Poverty of Nations." Forbes, August 3, 2015*, Li, C. and J. Whalley (2012), China and the TPP: A numerical simulation assessment of the effects involved. NBER Working Paper No. 18090. May; Petri, P. A., M. G. Plummer, and F. Zhai (2012b), *Trans-Pacific Partnership and Asia-Pacific Integration: A Quantitative Assessment*. Washington, DC: Peterson Institute of International Economics. Honma, M. (2010), Agricultural trade policy reform in Japan. In: R. Meléndez-Ortiz, C. Bellmann, and J. Hepburn, eds., *Agricultural Subsidies in the WTO Green Box: Ensuring Coherence with Sustainable Development Goals*. Cambridge: Cambridge University Press...

2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Liên quan đến dệt may, đánh giá tác động về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa dệt may trong xu thế hội nhập quốc tế, đã có nhiều công trình nghiên cứu cả về mặt lý luận và thực tiễn, điển hình như các nghiên cứu của các tác giả:

- Hà Văn Hội (2012), *Phân tích chuỗi giá trị xuất khẩu dệt may Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh. Tác phẩm đã trình bày bản chất của chuỗi giá trị dệt may toàn cầu, đồng thời chỉ ra các giai đoạn cụ thể của chuỗi giá trị dệt may toàn cầu gồm các giai đoạn như sản xuất nguyên liệu, kéo sợi, dệt vải, nhuộm, in vải, cắt may và phân phối sản phẩm, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của sự liên kết giữa ngành dệt và ngành may trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu. Bài viết dựa trên cách tiếp cận từ sản phẩm đầu ra để phân tích và làm rõ chuỗi giá trị xuất khẩu dệt may gồm bốn thành phần chính: khách hàng quốc tế, nhà sản xuất trong nước, nguồn cung ứng đầu vào và trung gian. Trong mỗi thành phần đó chỉ rõ những nguyên nhân làm cho giá trị gia tăng của hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam còn thấp trong chuỗi giá trị xuất khẩu mặt hàng này. Từ việc phân tích chuỗi giá trị xuất khẩu dệt may theo cách tiếp cận từ sản phẩm đầu ra tác giả đã đưa ra nhiều giải pháp để ngành dệt may Việt Nam nâng cao hiệu quả của sản phẩm dệt may xuất khẩu.

- Đinh Công Khải (2013), *Nâng cao vị thế ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu*, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả phân tích chuỗi giá trị dệt may toàn cầu, lý giải lý do vì sao phải phân tích chuỗi giá trị toàn cầu và phân tích chuỗi giá trị dệt may Việt Nam. Từ đó tác giả rút ra một số vấn đề của dệt may Việt Nam. Bài viết cũng phân tích vị trí của ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu và đưa ra một số giải pháp chính sách để phát triển cho ngành dệt may nước ta.

- Phạm Minh Đức (2014), *Ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP*, Hội thảo VICC tại Hà Nội và Đà Nẵng do Ngân hàng thế giới tổ chức. Bài viết trình bày một số tác động của TPP đối với ngành dệt may, nhất là khi hiệp định có hiệu lực, từ đó đưa ra một số cơ hội và thách thức cho ngành dệt may Việt Nam. Từ số lượng các nghiên cứu tại Việt Nam liên quan tới việc đánh giá cơ hội và thách thức của ngành dệt may trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đặc biệt là các hiệp định

thương mại được thực hiện trong đó có TPP còn rất hạn chế. Bởi vậy bài nghiên cứu này bằng phương pháp phân tích dựa trên mô hình cạnh tranh của Michael Porter và mô hình SWOT sẽ làm rõ hơn về cơ hội thách thức của ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh thực hiện hiệp định TPP. Từ những luận điểm về cơ hội thách thức của ngành, bài nghiên cứu cũng chỉ ra những vấn đề tồn tại và biện pháp phát triển ngành dệt may trong bối cảnh hội nhập.

- Thu Hằng (2016), *Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương: Cơ hội thành "trái ngọt"*, Báo điện tử Công thương. Bài viết phân tích những thuận lợi mà ngành dệt may Việt Nam được hưởng lợi từ các chính sách ưu đãi trong Hiệp định TPP; bài viết cũng đưa ra các phân tích bình luận về sức cạnh tranh mạnh mẽ khi TPP có hiệu lực giữa các quốc gia trong khối và khuyến cáo khi vào TPP để được hưởng ưu đãi trong TPP, các doanh nghiệp cần tìm hiểu và nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Hiệp định liên quan đến lĩnh vực hoạt động của đơn vị mình, các doanh nghiệp cần tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc mà TPP đã đặt ra.

- Nguyễn Huệ (2012), *Doanh nghiệp dệt may đón bắt cơ hội từ Hiệp định TPP*, Báo Hải quan điện tử. Bài viết đề cập đến các cơ hội khi doanh nghiệp dệt may đón đầu TPP để có thể tận dụng tối đa lợi thế từ TPP, các doanh nghiệp cũng cần sự hỗ trợ thông tin về các nguồn nguyên phụ liệu có thể mua được từ các nước TPP, thông tin về hệ thống chống bán phá giá và các giải pháp nhằm chống lại sự gian lận nguồn gốc xuất xứ có thể xảy ra... Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần chủ động nâng cao năng lực hợp tác với khách hàng thông qua việc nâng cao năng lực sản xuất, khả năng giao hàng đúng hạn, quản lý chất lượng và thực hiện trách nhiệm xã hội...

- Nguyễn Thùy Dung (7/2015), *Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp dệt may khi Việt Nam gia nhập Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Bài viết đề cập đến những cơ hội, thách thức và một số giải pháp cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam khi tham gia TPP. Cụ thể, tác giả giới thiệu Hiệp định hợp tác kinh tế chiến

lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một Hiệp định thương mại tự do (FTA) nhiều bên, được ký kết với mục tiêu thiết lập một mặt bằng thương mại tự do chung cho các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hoàn thành đàm phán để gia nhập TPP là một trong những mục tiêu quan trọng của Việt Nam. Trong các cuộc đàm phán về TPP, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dệt may luôn là một nội dung quan trọng có liên quan đến tất cả các nội dung đàm phán. Việc đàm phán thành công và gia nhập TPP sẽ mang lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói riêng (như: Mở rộng thị trường và tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng dệt may; các doanh nghiệp dệt may sẽ được hưởng nhiều ưu đãi về thuế; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may...). Tuy nhiên cũng giống như các hiệp định khác, ngoài những cơ hội, thì việc Việt Nam gia nhập TPP sẽ tạo ra những thách thức lớn cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam (như: Thách thức về quy tắc xuất xứ và rào cản kỹ thuật; gia tăng sức ép về mở cửa thị trường và năng lực cạnh tranh; thách thức về giải quyết các vấn đề lao động và môi trường...).

- Nguyễn Tuấn (2016), *Thừa Thiên Huế: Gỡ khó cho doanh nghiệp dệt may*, Báo công thương điện tử. Bài viết đã phân tích những vấn đề bất cập đối với các doanh nghiệp dệt may tại tỉnh Thừa Thiên Huế như: địa bàn vẫn chưa có cơ sở đào tạo chuyên ngành may - thiết kế thời trang; đội ngũ lao động chủ yếu là lao động phổ thông nên doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, một số trung tâm dạy nghề chưa thực sự gắn kết các chương trình đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp nên số lao động sau khi đào tạo doanh nghiệp không thể sử dụng mà phải tổ chức đào tạo lại, khá tốn kém và mất thời gian, doanh nghiệp dệt may phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nước ngoài. Để giải quyết vấn đề này, bài viết cũng đề xuất cần tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi dự án sản xuất hàng phụ trợ dệt may phân bố đều tại các khu công nghiệp.

- Trần Minh Tích (2014), *Thừa Thiên Huế: Dệt may dẫn đầu tăng trưởng*, Báo Công thương. Tác giả đã phân tích thế mạnh của ngành dệt may ở tỉnh Thừa

Thiên Huế trong bối cảnh hội nhập, doanh thu tăng và đáp ứng được các điều kiện đảm bảo để xuất khẩu. Trong bài viết cũng đưa ra các giải pháp mà ngành Công Thương tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn và vướng mắc cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó sẽ đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến, có hàm lượng công nghệ cao, giảm dần tỷ trọng xuất khẩu hàng thô. Đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu tiếp cận với nguồn vốn tín dụng xuất khẩu nhằm đẩy mạnh sản xuất và tìm kiếm thị trường mới để gia tăng giá trị xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu của các đối tác.

Như vậy, về các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực dệt may và hoạt động xuất nhập khẩu trong thương mại quốc tế đã được nhiều học giả nghiên cứu qua những vấn đề lý luận và đánh giá thực tiễn cũng như đưa ra các giải pháp, các định hướng nâng cao hiệu quả trong quá trình thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, đa số các công trình hiện nay được thực hiện trên cơ sở các bài báo, đề tài tập trung trong thị trường các nước có nền kinh tế lớn như Mỹ, Pháp hoặc các thị trường truyền thống như Trung Quốc, WTO. Còn về việc thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường khối TPP thì rất ít các công trình phân tích sâu, đặc biệt là phát triển ngành ở một địa phương cụ thể. Vì vậy, đề tài “Tác động của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp dệt may ở Thừa Thiên Huế” sẽ tiếp tục kế thừa các nghiên cứu nêu trên và đưa ra các hướng giải quyết phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ đề ra để có sản phẩm ứng dụng hiệu quả đối với các doanh nghiệp dệt may ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng và ngành dệt may ở Việt Nam nói chung trong xu thế vận hành hội nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

3. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài

Phân tích được tác động của FTAs đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may, trọng tâm là các doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp góp phần hạn chế các tác động tiêu

cực từ các FTAs, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp dệt may trong cả nước nói chung, trọng tâm là các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu tác động từ quy định của FTAs đối với hoạt động xuất khẩu của đối với các doanh nghiệp Dệt may, trọng tâm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Thứ nhất, về nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu cam kết của Việt Nam trong FTAs (trọng tâm là VKFTA, EVFTA, CPTPP) về ngành dệt may, và tác động của những cam kết này đối với hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi trong thực tiễn. Để có cơ sở xây dựng giải pháp, nhóm tác giả đi từ đánh giá tác động của những cam kết trong FTAs đối với hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may trong cả nước, từ cơ sở đó đánh giá trọng tâm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thứ hai, về thời gian: Đề tài nghiên cứu thời gian từ tháng 12 năm 2015 (đây là thời điểm Hiệp định thương mại tự do (VKFTA) giữa Việt Nam và Hàn Quốc có hiệu lực) đến tháng 10 năm 2018.

Thứ ba, về không gian: Đề tài nghiên cứu tác động của FTAs về hoạt động xuất khẩu Dệt may của doanh nghiệp Việt Nam, trọng tâm đánh giá tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu đề tài

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu dựa trên nền tảng các lý thuyết sau đây:

Thứ nhất, lý thuyết, quan điểm cho vấn đề tự do hóa thương mại và vấn đề thực thi các biện pháp PVTM: Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith nhấn mạnh: Để giải quyết sự khan hiếm về lương thực do đất đai ngày càng cạn cỗi, Adam Smith cho rằng có thể giải quyết bằng cách nhập khẩu lương thực từ

nước ngoài với giá rẻ hơn. Việc nhập khẩu này sẽ mang lại lợi ích cho cả hai nước. Lợi ích này được gọi là lợi thế tuyệt đối của hoạt động ngoại thương; lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo đã nhấn mạnh: Những nước có lợi thế tuyệt đối hoàn toàn hơn hẳn các nước khác, hoặc bị kém lợi thế tuyệt đối so với các nước khác trong sản xuất mọi sản phẩm, thì vẫn có thể và vẫn có lợi khi tham gia vào phân công lao động và thương mại quốc tế bởi vì mỗi nước có một lợi thế so sánh nhất định về sản xuất một số sản phẩm và kém lợi thế so sánh nhất định về sản xuất các sản phẩm khác. Bằng việc chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu sản phẩm mà nước đó có lợi thế so sánh, mức sản lượng và tiêu dùng trên thế giới sẽ tăng lên, kết quả là mỗi nước đều có lợi ích từ thương mại. Như vậy lợi thế so sánh là cơ sở để các nước buôn bán với nhau và là cơ sở để thực hiện phân công lao động quốc tế; quan điểm của WTO về tự do hóa thương mại nhấn mạnh sự cần thiết phải nói lời cam thiệp của nhà nước hay chính phủ vào lĩnh vực trao đổi, buôn bán quốc tế. Tự do hóa thương mại vừa là nhu cầu hai chiều của hầu hết các nền kinh tế thị trường, bao gồm: nhu cầu bán hàng hóa, đầu tư ra nước ngoài và nhu cầu mua hàng hóa, nhận vốn đầu tư của nước ngoài.

Thứ hai, lý thuyết về cạnh tranh của các trường phái như: Lý thuyết cạnh tranh tự do của Adam Smith [1723 – 1790]; lý thuyết về cạnh tranh có sự điều tiết của nhà nước của trường phái Keynes nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có can thiệp của Nhà nước như một giải pháp nhằm thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, thất nghiệp, suy thoái kinh tế.

5.2. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Trên cơ sở quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật; quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cùng với các nguồn tài liệu đã thu thập được, để đạt được mục tiêu nghiên cứu, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu, kế thừa được sử dụng để nghiên cứu các công trình, các quan điểm trong nước cũng như nước ngoài liên quan đến nội dung nghiên cứu ở phần Tổng quan tình hình nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích, so sánh, liệt kê được sử dụng ở Chương 1 để luận giải ngành dệt may và tác động của FTAs đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may.

- Phương pháp phân tích, điều tra, so sánh, tổng hợp số liệu được sử dụng ở Chương 2 để đánh giá thực tiễn tác động của FTAs đối với hoạt động xuất khẩu Dệt may của doanh nghiệp, trọng tâm tại Thừa Thiên Huế.

- Phương pháp liệt kê, phân tích, so sánh được sử dụng ở Chương 3 để xây dựng hệ thống các giải pháp chung và cụ thể để nâng cao hiệu quả xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may trong cả nước, trọng tâm là tại tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi các cam kết trong FTAs.

6. Những đóng góp của Đề tài

Kết quả của đề tài là tài liệu có hàm lượng khoa học và độ tin cậy cao, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo giúp cho các nhà khoa học, học viên cao học và sinh viên nghiên cứu trong lĩnh vực Luật thương mại quốc tế, Luật kinh tế, Kinh tế. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở khoa học cho các nhà quản lý, các doanh nghiệp dệt may ở tỉnh Thừa Thiên Huế nắm bắt các vấn đề pháp lý, các rào cản, ưu đãi trong FTAs để có chiến lược sản xuất, kinh doanh nhằm tận dụng các lợi thế, khắc phục các rào cản để có thể tận dụng tốt các thuận lợi theo cam kết khi xuất khẩu sản phẩm dệt may sang các quốc gia thuộc FTAs.

B. PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU DỆT MAY VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về ngành Dệt may

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của ngành Dệt may

Lịch sử do con người tạo ra. Nhưng muốn tạo ra lịch sử, trước hết con người phải tồn tại, phải sống. Do đó, con người trước hết phải ăn, uống, ở, mặc. Con người không thể tồn tại nếu thiếu những nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở. Xuất phát từ nhu cầu đó, con người đã phát hiện và phát triển Ngành công nghiệp Dệt may khá sớm nhằm phục vụ cho nhu cầu “mặc, ở, ngủ” ngày càng cao của mình. Lịch sử phát triển chứng minh, công nghiệp Dệt may phát triển từ 1840 ở nước Anh, sau đó dịch chuyển sang các nước Châu Âu khác, khi các ngành công nghiệp Dệt may đã trở thành động lực phát triển chính cho sự phát triển thị trường, ngành Dệt may dịch chuyển sang các khu vực mới khám phá ở Châu Mỹ. Tiếp theo là từ Châu Âu sang Nhật Bản vào những năm 1950. Từ năm 1960, khi chi phí sản xuất ở Nhật tăng lên và thiếu nguồn lao động thì công nghiệp dệt may lại chuyển dịch tới các nước mới công nghiệp hoá (NICs) như Hongkong, Đài loan, Nam Triều Tiên...⁶. Sở dĩ có sự dịch chuyển này, khi quốc gia có nền công nghiệp phát triển, có trình độ kỹ thuật cao, giá lao động cao thì sức cạnh tranh trong sản xuất dệt may sẽ giảm, dẫn đến ngành Dệt may ít phát triển, chỉ tập trung phát triển những sản phẩm dệt may cao cấp, thời trang để phục vụ cho một số người trong xã hội. Điều này xuất phát từ nguyên nhân, Dệt may là ngành đòi hỏi số lượng lao động lớn, đơn giản dẫn tới giá thành lao động được trả thấp hơn so với các ngành công nghiệp chứa đựng hàm lượng kỹ thuật cao. Vì vậy, thực tế cho thấy, lịch sử phát triển ngành dệt may thế giới cũng là

⁶ Nguồn: <https://voer.edu.vn/m/mot-so-van-de-ve-linh-vuc-det-may/b9a86d30>, truy cập ngày 5/12/2017.

lịch sử chuyển dịch công nghiệp Dệt may từ khu vực phát triển sang khu vực kém phát triển hơn, xuất phát từ tác động của các lợi thế so sánh, nhằm khai thác lợi thế về nguồn nguyên liệu tại chỗ và giá nhân công rẻ⁷.

Tiếp theo, khi ngành công nghiệp công nghệ và kỹ thuật cao hơn như điện tử, ô tô thay thế, ngành Dệt may mất dần đi lợi thế so sánh. Vì thế, đến năm 1980 lợi thế so sánh của các quốc gia này chuyển dịch sang sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có ngành Dệt may sang các nước Đông Nam á, Trung Quốc rồi tiếp tục sang các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Từ đó, Việt Nam đã tiếp nhận và phát triển, đạt được mức xuất khẩu cao về sản phẩm dệt may trong những thập kỷ qua, góp phần vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cụ thể, ngành Dệt may Việt Nam sau hơn 20 năm liên tục phát triển với tỷ lệ tăng trưởng bình quân 15%/năm, đến nay đã vươn lên trở thành ngành kinh tế hàng đầu cả nước, với kim ngạch xuất khẩu đóng góp từ 10%-15% GDP hàng năm⁸.

Ngành Dệt may được hiểu là ngành công nghiệp liên quan đến việc sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và cuối cùng là phân phối hàng may mặc tới tay người tiêu dùng. Ngành Dệt may có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, Dệt may là ngành cung cấp sản phẩm thiết yếu nên thị trường tiêu dùng là rất lớn. Sản phẩm của Ngành Dệt may rất đa dạng và phong phú, có tính chất thời trang, vừa có tính quốc tế, vừa có tính dân tộc, Đồng thời, các sản phẩm do Ngành Dệt may tạo ra là những sản phẩm dùng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu như mặc, ngủ, ở, do đó người tiêu nào cũng phải dùng tới nên thị trường tiêu thụ hết sức rộng lớn, không những cho nhu cầu trong nước mà còn nhu cầu của các nước khác. Có thể kể tới một số sản phẩm như: Nhóm mặt hàng lót; nhóm mặt

⁷ Lý thuyết về lợi thế so sánh của Davil Ricardo đã chỉ rằng: Những nước có lợi thế tuyệt đối hoàn toàn hơn hẳn các nước khác, hoặc bị kém lợi thế tuyệt đối so với các nước khác trong sản xuất mọi sản phẩm, thì vẫn có thể và vẫn có lợi khi tham gia vào phân công lao động và thương mại quốc tế bởi vì mỗi nước có một lợi thế so sánh nhất định về sản xuất một số sản phẩm và kém lợi thế so sánh nhất định về sản xuất các sản phẩm khác. Bằng việc chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu sản phẩm mà nước đó có lợi thế so sánh, mức sản lượng và tiêu dùng trên thế giới sẽ tăng lên, kết quả là mỗi nước đều có lợi ích từ thương mại.

⁸ Nguồn: investvietnam.gov.vn/...%20báo%20cáo%20ngành%20dệt%20may/Vietinbank%20S., truy cập ngày 5/12/2017.

hàng mặc thương ngày: sơ mi, quần âu, áo váy; nhóm quần áo thể thao: quần áo vải thun, quần áo Jean; nhóm trang phục đặc biệt: Quân đội, Nội vụ, bảo hộ lao động cho các loại ngành nghề.

Đặc biệt, khi kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, yêu cầu hàng may lại càng phong phú và chất lượng cao hơn. Bên cạnh những mả hàng truyền thống người dân mặc hàng ngày, thông qua gia công cho các nước, các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện làm quen với công nghệ may phức tạp, thời trang của thế giới, điều này là một cơ hội để Ngành Dệt may phát triển ngành càng đa dạng hơn về sản phẩm và đáp ứng ngày càng nhiều thị trường tiêu thụ trên khắp thế giới.

Thứ hai, là ngành sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là nữ, không đòi hỏi trình độ cao. Công nghệ Dệt may là ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn phát huy được lợi thế của những nước có nguồn lao động dồi dào với giá nhân công rẻ. Ngành Dệt may không đòi hỏi kỹ thuật cao siêu, điều luyện nên ngành rất dễ thu hút nhiều lao động, đến nay các doanh nghiệp Dệt may đã thu hút nhiều lao động góp phần đáng kể trong việc giải quyết khó khăn về việc làm cho người lao động. Đặc biệt, sản xuất ra các sản phẩm Dệt may đôi bàn tay khéo léo, không cần phải sử dụng quá nhiều sức, vì vậy đây là ngành công nghiệp thu hút rất nhiều lao động là nữ giới.

Thứ ba, là ngành không đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phù hợp với tổ chức sản xuất quy mô vừa và nhỏ. Ngành công nghiệp Dệt may đòi hỏi vốn đầu tư ít nhưng đem lại lãi khá cao. Vì vậy, sản xuất hàng dệt may thường phát triển mạnh và có hiệu quả rất lớn đối với các nước đang phát triển và đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá. Khi một nước trở thành nước công nghiệp phát triển có trình độ công nghệ cao, giá lao động cao, sức cạnh tranh trong sản xuất hàng dệt may giảm thì họ lại vươn tới những ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao hơn, tốn ít lao động và mang lại lợi nhuận cao. Chính vì vậy, công nghiệp Dệt may lại phát huy vai trò ở các nước có kinh tế đang phát triển.

Thứ tư, trong sản xuất dệt may thị trường đầu vào chính là nguyên liệu bông, xơ, sợi hay vải. Bông, xơ, sợi chính là đầu vào của ngành Dệt, còn sản phẩm của ngành Dệt chính là đầu vào của ngành May. Vì vậy, việc sản xuất, tìm kiếm nguyên liệu cho ngành Dệt quyết định đến sự phát triển của ngành Dệt may. Thực tiễn cho thấy, bông là nguyên liệu chính của ngành Dệt may. Hiện nay, Việt Nam chỉ có thể sản xuất hơn 3.000 tấn bông/năm, đáp ứng được 5% nhu cầu của ngành Dệt trong nước. Sợi tổng hợp phải nhập khẩu hoàn toàn và sợi bông cho sản xuất hàng dệt kim cũng phải nhập khẩu với số lượng lớn hàng năm. Hơn nữa, dù ngành hoá chất trong nước tương đối phát triển nhưng 100% hoá chất nhuộm và hơn 80% hoá chất khác vẫn phải nhập khẩu⁹. Do đó, trong những năm tới, bài toán về nguyên liệu cho ngành Dệt may cần phải được giải quyết.

1.1.2. Các sản phẩm của Ngành Dệt may

Xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu thiết của con người nên sản phẩm của ngành Dệt may là một trong những hàng hoá đầu tiên tham gia vào thương mại quốc tế. Ngành công nghiệp Dệt may bao gồm ngành Dệt và ngành May, do đó sản phẩm của ngành Dệt may được tạo ra thông qua rất nhiều công đoạn, và sự hỗ trợ của nhiều thiết bị, nguyên liệu như máy móc, hóa chất, thuốc nhuộm, và có thể liệt kê ba nhóm sản phẩm chính đó là: Sợi, vải, hàng may mặc.

Thứ nhất, đối với nhóm sản phẩm sợi, bao gồm:

- Sợi có nguồn gốc từ thực vật: Sợi bông (sợi 100% cotton) gồm hai loại sợi là sợi chải kỹ và sợi chải thô; sợi tơ tằm.

- Sợi có nguồn gốc từ nhân tạo: Loại sợi này được sản xuất từ các loại phụ phẩm của ngành hóa dầu; sợi pha (sợi pha bông với các thành phần khác).

Thứ hai, sản phẩm vải: Có thể phân loại theo loại sợi cấu thành vải, gồm: Vải sợi bông; vải sợi tơ tằm; vải sợi tổng hợp. Hoặc, cũng có thể phân loại: Vải dệt thoi; vải dệt kim; vải không dệt.

⁹ Nguồn: <https://voer.edu.vn/m/mat-hang-det-may/d78b9310>, truy cập ngày 6/12/2017.

Thứ ba, phân loại sản phẩm may mặc: Dựa vào mục đích sử dụng, có thể liệt kê các loại sản phẩm: Hàng mặc cho mùa hè; hàng mặc cho mùa đông; hàng thể thao; đồ lót; hàng dùng trong quân đội, công an; đồ bảo hộ lao động.v.v.

Ngoài ra, sản phẩm Dệt may còn thể hiện trong cuộc sống như: Chăn đắp; ga trải nệm; nệm nằm, ngồi.v.v.

Qua đây ta thấy, sản phẩm Dệt may có những đặc điểm:

Một là, sản phẩm Dệt may rất phong phú, đa dạng để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Người tiêu dùng khác nhau về văn hoá, phong tục tập quán, tôn giáo, khác nhau về khu vực địa lý, khí hậu, về giới tính, tuổi tác... sẽ có nhu cầu rất khác nhau về trang phục.

Hai là, sản phẩm Dệt may mang tính thời trang cao, phải thường xuyên thay đổi mẫu mã, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu để đáp ứng nhu cầu thích đổi mới, độc đáo và gây ấn tượng của người tiêu dùng. Điều này gắn liền với sự thay đổi của đời sống kinh tế. Nếu đời sống cao, kinh tế phát triển, thì nhu cầu ăn mặc cũng thay đổi theo, các sản phẩm may mặc cũng phải có mẫu mã đẹp, chất liệu vải tốt do đó sản phẩm Dệt may cũng phải thay đổi theo để đáp ứng..

Ba là, một đặc trưng nổi bật trong buôn bán sản phẩm Dệt may trên thế giới là vấn đề nhãn mác sản phẩm. Mỗi nhà sản xuất cần ra được một nhãn hiệu thương mại của riêng mình. Điều này đáp ứng nhu cầu phân biệt trong hoạt động tiêu dùng của con người, đồng thời đảm bảo quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ.

Bốn là, sản phẩm Dệt may được sản xuất dựa vào thời vụ. Phải căn cứ vào chu kỳ thay đổi của thời tiết trong năm ở từng khu vực thị trường mà cung cấp hàng hoá cho phù hợp. Điều này cũng liên quan đến vấn đề thời hạn giao hàng, nếu như không muốn bỏ lỡ cơ hội xuất khẩu thì hơn bao giờ hết, hàng dệt may cần được giao đúng thời hạn để cung cấp hàng hoá kịp thời vụ.

1.2. Khái quát về hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may

Xuất khẩu là hoạt động đầu tiên của thương mại quốc tế, có một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển từng doanh nghiệp, của quốc gia và của

toàn thế giới. Do những điều kiện về kinh tế, xã hội, về tự nhiên khác nhau nên mỗi quốc gia riêng lẻ có thể mạnh trong lĩnh vực này nhưng lại yếu về lĩnh vực khác, vì vậy để có thể khai thác được lợi thế, tạo ra sự cân bằng trong quá trình sản xuất và tiêu dùng các quốc gia phải tiến hành trao đổi với nhau thông qua hoạt động xuất, nhập khẩu.

Nền tảng của hoạt động xuất khẩu xuất phát từ Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith, Thuyết này đã nhấn mạnh: Để giải quyết sự khan hiếm về lương thực do đất đai ngày càng cằn cỗi, Adam Smith cho rằng có thể giải quyết bằng cách nhập khẩu lương thực từ nước ngoài với giá rẻ hơn. Việc nhập khẩu này sẽ mang lại lợi ích cho cả hai nước. Lợi ích này được gọi là lợi thế tuyệt đối của hoạt động ngoại thương; và Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Davil Ricardo đã nhấn mạnh: Những nước có lợi thế tuyệt đối hoàn toàn hơn hẳn các nước khác, hoặc bị kém lợi thế tuyệt đối so với các nước khác trong sản xuất mọi sản phẩm, thì vẫn có thể và vẫn có lợi khi tham gia vào phân công lao động và thương mại quốc tế bởi vì mỗi nước có một lợi thế so sánh nhất định về sản xuất một số sản phẩm và kém lợi thế so sánh nhất định về sản xuất các sản phẩm khác. Bằng việc chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu sản phẩm mà nước đó có lợi thế so sánh, mức sản lượng và tiêu dùng trên thế giới sẽ tăng lên, kết quả là mỗi nước đều có lợi ích từ thương mại. Như vậy lợi thế so sánh là cơ sở để các nước buôn bán với nhau và là cơ sở để thực hiện phân công lao động quốc tế; quan điểm của WTO về tự do hóa thương mại nhấn mạnh sự cần thiết phải nói lời can thiệp của nhà nước hay chính phủ vào lĩnh vực trao đổi, buôn bán quốc tế. Tự do hóa thương mại vừa là nhu cầu hai chiều của hầu hết các nền kinh tế thị trường, bao gồm: nhu cầu bán hàng hóa, đầu tư ra nước ngoài và nhu cầu mua hàng hóa, nhận vốn đầu tư của nước ngoài dựa trên Lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricacđo, cho rằng: *“Nếu một quốc gia có hiệu quả thấp hơn so với các quốc gia khác trong sản xuất hầu hết các loại sản phẩm thì quốc gia đó vẫn có thể tham gia vào TMQT để tạo ra lợi ích của chính mình”*, và khi tham gia vào TMQT thì *“quốc gia có hiệu quả thấp trong sản xuất các loại hàng hoá sẽ tiến*

hành chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu những loại mặt hàng mà việc sản xuất ra chúng là ít bất lợi nhất và nhập khẩu những loại mặt hàng mà việc sản xuất ra chúng có bất lợi lớn hơn". Nói cách khác, một quốc gia trong tình huống bất lợi vẫn có thể tìm ra điểm có lợi để khai thác. Bằng việc khai thác các lợi thế này, các quốc gia tập trung vào sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế tương đối. Sự chuyên môn hoá đó làm cho mỗi quốc gia khai thác được lợi thế của mình một cách tốt nhất giúp tiết kiệm được nguồn nhân lực như vốn, kỹ thuật, nhân lực trong quá trình sản xuất hàng hoá, do vậy, tổng sản phẩm trên quy mô toàn thế giới cũng sẽ được gia tăng.

Đối với nền kinh tế của bất kỳ một quốc gia nào dù là quốc gia phát triển hay đang phát triển, xuất khẩu tạo ra nguồn vốn chính cho nhập khẩu, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Hơn nữa, không một quốc gia nào có thể tự cung, tự cấp các hàng hóa, dịch vụ cho nền kinh tế mà không có sự trao đổi qua lại giữa các quốc gia, vì vậy việc thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu để đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế là nhu cầu tất yếu. Việt Nam là một nước đang phát triển, ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, vì vậy việc xác định và đẩy mạnh thực hiện hoạt động xuất khẩu đã được Đảng và Nhà nước xác định là hoạt động trọng yếu để phát triển kinh tế, và quan điểm cụ thể để phát triển xuất nhập khẩu ở Việt Nam thời kỳ 2011 đến 2020 là: *"Phát triển xuất khẩu trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh, đảm bảo tốc độ và chất lượng tăng trưởng cao, góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững"*. Quan điểm này đã được thể chế hóa bằng pháp luật với những quy phạm cụ thể tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu ngành dệt may nói riêng. Trước hết, Luật Thương mại 2005 đã làm rõ khái niệm về xuất khẩu như sau: *"Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy*

định của pháp luật”¹⁰. Khu vực hải quan riêng ở đây được hiểu: “Khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại và nước ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”¹¹. Và Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu đưa ra khái niệm về Khu thuế quan riêng là: “Khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”¹². Từ quy định này, chúng ta có thể hiểu khái niệm hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp dệt may như sau: “Hoạt động xuất khẩu dệt may của doanh nghiệp được hiểu là hoạt động của doanh nghiệp đưa hàng dệt may ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam”. Từ cách hiểu này, ta có thể thấy hoạt động xuất khẩu hàng dệt may của doanh nghiệp phân biệt với hoạt động xuất khẩu hàng hóa khác qua những đặc điểm sau:

Thứ nhất, đối tượng của hoạt động xuất khẩu dệt may ở đây chính là hàng dệt may. Hàng dệt may có những dấu hiệu đặc thù để nhận diện nhằm phân biệt với những mặt hàng khác, như: Sản phẩm dệt may luôn gắn với nhu cầu tất yếu của người tiêu dùng, và nhu cầu đó rất phong phú, đa dạng tùy theo đối tượng tiêu dùng, phụ thuộc vào văn hoá, phong tục tập quán, tôn giáo, khác nhau về khu vực địa lý, tuổi tác... sẽ có nhu cầu rất khác nhau về trang phục; sản phẩm dệt may mang tính thời trang cao, phải thường xuyên thay đổi mẫu mã, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu để đáp ứng tâm lý thích đổi mới, độc đáo và gây ấn

¹⁰ Xem tại Điều 28 Luật Thương mại 2005.

¹¹ Xem tại Khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý Ngoại thương (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018).

¹² Xem Khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

tượng của người tiêu dùng.v.v. Các sản phẩm dệt may hiện nay rất đa dạng có thể liệt kê: áo, quần, mũ.v.v, và tồn tại dưới nhiều kiểu dáng khác nhau dựa vào mục đích sử dụng như: Nhóm mặt hàng lót; nhóm mặt hàng mặc thương ngày: sơ mi, quần âu,áo váy; nhóm quần áo thể thao: quần áo vải thun, quần áo Jean; nhóm trang phục đặc biệt phục vụ trong quân đội, công an, bảo hộ lao động cho các loại ngành nghề khác¹³.

Thứ hai, chủ thể sản xuất hàng dệt may để xuất khẩu là doanh nghiệp Việt Nam. Chủ thể thực hiện hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu hàng dệt may nói riêng không chỉ là doanh nghiệp mà bất kỳ chủ thể nào đủ điều kiện theo luật định, có thể là Chính phủ, cá nhân hoặc là tổ chức bất kỳ nhưng, trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả chỉ tập trung nghiên cứu đối tượng thực hiện hoạt động xuất khẩu là doanh nghiệp Việt Nam. Hơn nữa, cần hiểu doanh nghiệp Việt Nam trong trường hợp này là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, theo pháp luật Việt Nam. Với cách hiểu này, thì chủ đầu tư của doanh nghiệp ở đây có thể là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức cá nhân nước ngoài đáp ứng các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật đầu tư năm 2014¹⁴. Như vậy, trong phạm vi nghiên cứu này hiểu chủ thể tiến hành hoạt động xuất khẩu sản phẩm dệt may chính là doanh nghiệp Việt Nam được thành lập, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Thứ ba, hoạt động xuất khẩu là việc đưa (bán) hàng dệt may ra khỏi lãnh thổ của quốc gia mình cho một quốc gia khác trên cơ sở dùng tiền tệ để thanh toán. Tiền tệ ở đây có thể là ngoại tệ đối với một quốc gia hay đối với hai quốc gia. Việc di chuyển hàng dệt may ra khỏi lãnh thổ theo quy định hiện hành được hiểu: (i) Hàng dệt may được doanh nghiệp xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc (ii) Hàng dệt may được di chuyển từ khu vực thuế quan đặc biệt ra bên ngoài.

¹³ Xem cụ thể tại: Mục 1.1.2. của Chương 1.

¹⁴ Xem Điều 18 Luật Doanh nghiệp; Nhà đầu tư theo Luật Đầu tư 2014, tại Điều 3, được hiểu: *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. *Nhà đầu tư nước ngoài* là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. *Nhà đầu tư trong nước* là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.

Thứ tư, mục đích của hoạt động xuất khẩu hàng dệt may là khai thác được lợi thế của từng quốc gia trong phân công lao động quốc tế. Đối với Việt Nam, với một đất nước gần 94 triệu dân, hệ quả là nhu cầu sử dụng sản phẩm dệt may rất lớn, đồng thời cũng cung cấp một nguồn nhân công dồi dào, là điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất hàng dệt may. Hơn thế nữa, nguồn nguyên liệu tạo ra sản phẩm dệt may phong phú, với nhiều vùng địa phương sản xuất bông, sợi phục vụ cho sản phẩm dệt may như Tây Nguyên, Nam Trung Bộ. Điều này là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển ngành sản xuất dệt may để xuất khẩu ra nuwoocs ngoài.

Thứ năm, hoạt động xuất khẩu nói chung, xuất khẩu dệt may nói riêng diễn ra trên phạm vi rất rộng cả về không gian và thời gian, diễn ra trong thời gian rất ngắn song nó cũng có thể kéo dài hàng năm, và được tiến hành trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia hoặc nhiều quốc gia. Việt Nam, trong những năm qua là quốc gia có nhiều thế mạnh về xuất khẩu hàng dệt may, thị trường hàng dệt may xuất khẩu không chỉ là thị trường châu Á, mà mở rộng sang các thị trường châu Âu, châu Mỹ.

Tiểu kết: Hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu hàng dệt may nói riêng giúp cân đối nguồn tài nguyên của mỗi quốc gia, đáp ứng nhu cầu phát triển, giải quyết vấn đề khan hiếm về nguồn tài nguyên. Vì thế mỗi quốc gia đều có những quy định để điều hoạt động này. Với những đặc trưng về đối tượng, chủ thể, phạm vi, đã tạo cho hoạt động xuất khẩu dệt may những nét đặc thù, từ đó Nhà nước, các doanh nghiệp có những định hướng cũng như giải pháp phù hợp để phát triển, phát huy tối đa vai trò của công nghiệp dệt may trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2.2. Vai trò xuất khẩu hàng Dệt may của doanh nghiệp đối với nền kinh tế

Hiện nay ở nước ta, ngành công nghiệp xuất khẩu dệt may ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, phong phú và đa dạng của người dân, giúp Nhà nước giải quyết được nhiều công ăn việc làm cho xã hội, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, và đặc biệt, hàng

năm đóng góp ngân sách quốc gia một khoản ngân sách góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế của đất nước, được luận giải dưới những khía cạnh sau đây:

1.2.2.1. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước

Xuất khẩu sản phẩm dệt may tạo nguồn thu nhập, tích lũy cho Nhà nước một nguồn vốn ngoại tệ lớn cho việc nhập khẩu thiết bị sản xuất hiện đại, nguyên phụ liệu... để phát triển sản xuất phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước. Đồng thời cũng giúp cho mỗi doanh nghiệp có cơ sở để tự hiện đại hoá sản xuất của mình. Khi xuất khẩu các sản phẩm dệt may nước ta sẽ có một nguồn thu ngoại tệ lớn cho nền kinh tế quốc dân, đáp ứng cho việc nhập khẩu các mặt hàng mà chúng ta cần để đảm bảo cho sự phát triển cân đối, ổn định của nền kinh tế; giúp chúng ta khai thác tối đa tiềm năng của đất nước. Cụ thể, theo thống kê nhịp độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm giai đoạn 2001-2010 ở mức cao, đạt 19%/năm. Quy mô xuất khẩu tăng từ 15 tỷ USD năm 2001 lên 72,19 tỷ năm 2010, tăng hơn 4,7 lần. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trên GDP tăng từ 46% năm 2001 lên 70% năm 2010. Mặt hàng xuất khẩu ngày càng phong phú và đa dạng. Nếu như năm 2004, Việt Nam chỉ có 6 nhóm hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD thì đến hết năm 2010 đã có 18 nhóm hàng, trong đó có 10 nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD và 8 nhóm hàng trên 2 tỷ USD. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt trên thị trường của 220 nước và vùng lãnh thổ¹⁵. Đặc biệt, trong những năm gần đây ngành công nghiệp dệt may đã có những bước tiến vượt bậc. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành khoảng 30%/năm, trong lĩnh vực xuất khẩu tốc độ tăng trưởng bình quân 24,8%/năm và chiếm 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tính đến nay cả nước có khoảng 822 doanh nghiệp dệt may, trong đó doanh nghiệp quốc doanh là 231 doanh nghiệp, doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 370 doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 221 doanh

¹⁵ Lê Danh Vĩnh, Quan điểm và Định hướng phát triển xuất nhập khẩu nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011 đến 2020. Nguồn: http://www.moit.gov.vn/vsi_portlets/UserFiles/Docman/Upload/xuatnhapkhau

nghiệp, và tổng nộp ngân sách thông qua các loại thuế ngày càng tăng, tốc độ tăng bình quân khoảng 15%/ năm¹⁶.

Ngoài ra, xuất khẩu hàng hoá nói chung và sản phẩm dệt may nói riêng được xem là một yếu tố để thúc đẩy phát triển và tăng trưởng kinh tế vì nó cho phép mở rộng quy mô sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước, gây phản ứng dây truyền kéo theo một loạt các ngành khác có liên quan phát triển theo. Khi ngành dệt may đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và mở rộng thị trường xuất khẩu thì sẽ buộc phải mở rộng quy mô sản xuất và cần nhiều nguyên liệu hơn để phục vụ cho ngành dệt và may, điều đó sẽ dẫn theo sự phát triển của các ngành có liên quan khác như ngành trồng bông, sản xuất phân bón, dịch vụ logistics.

1.2.2.2. Thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp Dệt may

Thứ nhất, thông qua hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp dệt may trong nước có điều kiện tham gia vào thị trường cạnh tranh của thế giới về số lượng, chất lượng và giá cả sản phẩm. Trong hoàn cảnh đó, để có chỗ đứng và mở rộng thị trường xuất khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may trong nước phải nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách phải chuẩn bị nội lực đầy đủ như: Cải tiến khoa học công nghệ; thu hút nguồn vốn đầu tư; nâng cao tay nghề người lao động; cải tiến chất lượng, số lượng, mẫu mã sản phẩm hàng dệt may đáp ứng yêu cầu của quốc gia nhập khẩu.

Thứ hai, hoạt động xuất khẩu giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, mở rộng mối quan hệ đa phương, điều này giúp doanh nghiệp có nhiều thị trường, nhiều bạn hàng để xuất khẩu hàng dệt may, từ đó thúc đẩy doanh thu, làm tăng vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

Thứ ba, hoạt động xuất khẩu dệt may giúp doanh nghiệp thu hút được nhiều lao động, tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động. Đồng thời với đó, cũng giúp doanh nghiệp có nhiều hàng hóa để xuất khẩu, làm tăng lợi nhuận cho chính doanh nghiệp của mình.

¹⁶ Nguồn: <https://voer.edu.vn/m/khai-quat-ve-xuat-khau-hang-det-may>, truy cập ngày 29/11/2017.

Thứ tư, hoạt động xuất khẩu giúp doanh nghiệp mở rộng mạng lưới kinh doanh, như tăng cường hoạt động đầu tư, hợp tác khoa học công nghệ, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, trao đổi nguồn lao động.v.v.

1.2.2.3. Tăng cường hợp tác kinh tế, thúc đẩy thương mại địa phương phát triển

Thứ nhất, hoạt động xuất khẩu dệt may giúp thúc đẩy sự hợp tác kinh tế giữa nước ta với nhiều quốc gia trên thế giới. Vì xuất khẩu chính là sự trao đổi, là sự thể hiện mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và là mục tiêu và cơ sở cho các hoạt động đối ngoại. Không chỉ thế nó còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng cường tiếp cận với thế giới bên ngoài, từ đó có một nguồn thông tin vô cùng phong phú và nhạy bén với cơ chế thị trường; thiết lập được nhiều mối quan hệ và tìm được nhiều bạn hàng trong kinh doanh hợp tác xuất nhập khẩu. Những số liệu sau đây sẽ minh chứng cho điều này, hiện nay hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang nhiều thị trường, đặc biệt là các thị trường lớn và khó tính như: Mỹ, EU, Canada và Nhật Bản trong đó các nước EU là thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất của Việt Nam chiếm 34%-38% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Việt Nam. Còn sản phẩm dệt may xuất khẩu sang Nhật Bản đã được hưởng thuế ưu đãi theo hệ thống GSP nên kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường này tăng khá nhanh trong những năm gần đây, thị phần hàng dệt thoi và dệt kim của nước ta trên thị trường hàng dệt may của Nhật Bản tương ứng là 3,6% và 2,3%, kim ngạch xuất khẩu chiếm khoảng 30% sản phẩm dệt may.

Thứ hai, hoạt động xuất khẩu dệt may còn “mở đường” cho Chính phủ tiếp cận để đặt các quan hệ mới ngoại giao tiếp theo với các quốc gia nhập khẩu, nhằm mở rộng hoạt động hợp tác kinh tế, không chỉ dừng ở việc hợp tác về xuất nhập khẩu hàng dệt may mà còn mở rộng ra các hàng hóa ở các ngành nghề khác như nông nghiệp, du lịch, môi trường. Điều này, tạo điều kiện cho các địa phương trong cả nước có cơ hội hợp tác để xuất khẩu các ngành nghề thuộc thế mạnh của địa phương mình như gạo ở Đồng bằng Sông Cửu Long; cà phê, tiêu điều ở Tây Nguyên; Du lịch, dệt may ở Thừa Thiên Huế.v.v.

1.2.2.4. Giải quyết việc làm, nâng cao trình độ cho người lao động

Bên cạnh, góp phần tăng trưởng, ổn định kinh tế, mở rộng hợp tác kinh tế thì hoạt động xuất khẩu dệt may còn góp phần giải quyết các mục tiêu xã hội của đất nước cũng như của mỗi địa phương:

Thứ nhất, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các khu vực với nhau, giữa thành thị với nông thôn. Minh chứng là, mỗi năm ngành dệt may đang thu hút được khoảng 1,6 triệu lao động, chiếm 25% lực lượng lao động công nghiệp, với con số này, mỗi năm đã giúp Nhà nước giải quyết một khối lượng lớn lao động thất nghiệp, tạo thu nhập cho người không có công ăn việc làm, nâng cao mức sống người dân, đưa quốc gia thoát khỏi sự đói nghèo và lạc hậu. Đồng thời, hoạt động xuất khẩu dệt may với việc ngày càng mở rộng thị trường, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, khi đó ngành dệt may sẽ thu hút được nhiều hơn nữa lao động và giúp họ có được một mức thu nhập cao và ổn định.

Thứ hai, phát triển xuất khẩu dệt may cũng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao trình độ tay nghề của lao động. Với những đòi hỏi ngày càng cao của các nước nhập khẩu hàng dệt may đã tạo áp lực buộc người lao động không ngừng nâng cao trình độ tay nghề, rèn luyện kỹ thuật lao động để đáp ứng yêu cầu. Do đó, tay nghề của người lao động sẽ được nâng cao, họ sẽ được đào tạo một cách bài bản và có kế hoạch cụ thể, đồng thời có cơ hội tiếp cận với những công nghệ sản xuất dệt may hiện đại.

1.2.2.5. Tăng cường ứng dụng khoa học vào sản xuất, tiếp cận các công nghệ hiện đại Ngành Dệt may

Thứ nhất, giúp tiếp cận các công nghệ khoa học hiện đại. Để hoạt động xuất khẩu có hiệu quả cao, các doanh nghiệp dệt may phải không ngừng đầu tư vào trang thiết bị máy móc, công nghệ sản xuất để vừa nâng cao chất lượng sản phẩm vừa tăng năng xuất thì mới tạo ra được những sản phẩm có tính cạnh tranh

cao trên thị trường quốc tế. Điều này, có tác động giúp kích thích đổi mới công nghệ sản xuất cho nền kinh tế nói chung và cho ngành dệt may nói riêng.

Thứ hai, tăng cường ứng dụng khoa học vào sản xuất. Để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tiến tới mở rộng thị trường xuất khẩu, ngành dệt may buộc phải sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực có sẵn và các lợi thế vốn có của quốc gia cũng như của doanh nghiệp, đồng thời tiếp cận với sự phát triển của khoa học công nghệ trên mọi lĩnh vực để nâng cao chất lượng, tăng sản lượng và hướng tới sự phát triển bền vững cho đất nước và doanh nghiệp.

Thứ ba, trong điều kiện trình độ phát triển kinh tế, công nghệ nước ta còn thấp, chính sách nhập khẩu trong thời gian qua đã tạo thuận lợi để Việt Nam tiếp cận công nghệ tiên tiến, giải quyết sự thiếu hụt về nguyên, nhiên liệu, máy móc thiết bị. Nhập khẩu đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, cải thiện trình độ công nghệ của nền kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Người tiêu dùng được tiếp cận hàng hóa và dịch vụ rẻ hơn và tốt hơn.v,v.

Tiểu kết: Hoạt động xuất khẩu sản phẩm dệt may có vai trò rất quan trọng đối với không chỉ bản thân mỗi doanh nghiệp dệt may mà còn đối với cả nền kinh tế quốc dân trong việc phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ ngoại giao, thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển. Chính vì lẽ đó, trong nhiều năm qua, hoạt động xuất khẩu sản phẩm dệt may của doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước xem như là một hướng phát triển có tính chiến lược để góp phần hiện đại hoá nền công nghiệp nước ta.

1.3 Các nhân tố chi phối đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp Dệt may

1.3.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước

Chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động xuất khẩu chi phối hoạt động của doanh nghiệp. Đây là nhân tố đặc biệt quan trọng không chỉ tác động đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp ở hiện tại, mà còn cả trong tương lai. Vì vậy, nghiên cứu chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp doanh nghiệp am

hiểu, hưởng ứng và tuân thủ, bên cạnh đó, doanh nghiệp chủ động xây dựng được các kế hoạch xuất khẩu ngắn và dài hạn phù hợp trong tương lai.

Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, Việt Nam đã và đang thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu. Đây là một chiến lược tập trung vào việc tạo ra các sản phẩm xuất khẩu ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường thế giới dựa trên cơ sở khai thác tốt với nhu cầu của thị trường quốc gia. Với chiến lược này, Nhà nước có các chính sách phát triển cụ thể cho từng giai đoạn nhằm khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức kinh tế tham gia hoạt động xuất khẩu trong đó có doanh nghiệp ngoại thương. Cụ thể, năm 2008, Chính phủ đã thông qua Quyết định về chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may, trong đó nhấn mạnh: *“Phát triển ngành Dệt May trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu; đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước; tạo nhiều việc làm cho xã hội; nâng cao khả năng cạnh tranh, hội nhập vững chắc kinh tế khu vực và thế giới”*¹⁷. Thực tế, những năm vừa qua, ngành dệt may đã được hỗ trợ rất nhiều, có thể kể đến các chính sách hỗ trợ nguồn vốn vay ngân sách, vốn ODA.v.v, cùng hàng loạt các dự án đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất nguyên liệu, công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may. Ngoài ra, chính phủ còn dành toàn bộ nguồn thu phí hạn ngạch và đấu thầu hạn ngạch dệt may cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Đối với vấn đề ngành may mặc Việt Nam chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài như hiện nay, chính phủ đã ban hành quyết định số 29/QĐ-TTg, ngày 8/1/2010 phê duyệt chương trình phát triển cây bông Việt Nam, theo đó nhà nước sẽ đầu tư kinh phí, giống vốn, chuyển giao công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất bông, từng bước đáp ứng nhu cầu bông trong nước, tạo điều kiện để ngành dệt may tăng trưởng và phát triển ổn định.

Quan điểm ưu tiên cho phát triển xuất khẩu hàng may mặc của Chính phủ còn được thể hiện bằng những nỗ lực của Nhà nước trong việc tăng cường ký kết

¹⁷ Xem tại: Quyết định 36/2008/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

các hiệp ước, hiệp định song phương, đa phương với các nước trong khu vực và trên thế giới như: Hiệp định thương mại tự do Asean (AFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); Hiệp định dệt may trong WTO. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng may mặc Việt Nam dễ dàng thâm nhập thị trường các nước, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, do đó doanh nghiệp Việt Nam cần nghiên cứu những tác động để có sự chuẩn bị và đối phó.

1.3.2. Năng lực của doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu Dệt may

Đây là nhân tố thuộc về doanh nghiệp mà doanh nghiệp tự tạo ra và điều chỉnh để phục vụ cho hoạt động xuất khẩu của mình. Những nhân tố có thể kể đến như:

Thứ nhất, năng lực lãnh đạo và quản trị kinh doanh của ban quản lý, điều hành doanh nghiệp. Đây là nhân tố hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vì trình độ và năng lực quản trị kinh doanh của ban quản trị doanh nghiệp giúp doanh nghiệp vạch ra được những đường lối, chiến lược kinh doanh đúng đắn, khai thác hiệu quả thị trường sản xuất trong nước cũng như thị trường xuất khẩu nước ngoài. Đặc biệt, với ngành sản xuất dệt may, việc có những chiến lược phù hợp để tận dụng nguồn nhân công, khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu, xuất khẩu sang những thị trường tiềm năng... sẽ là yếu tố quyết định đến thành bại của doanh nghiệp xuất khẩu dệt may.

Thứ hai, khả năng tài chính của doanh nghiệp. Biểu hiện ở quy mô vốn hiện có và khả năng huy động vốn của doanh nghiệp. Năng lực tài chính có thể làm hạn chế hoặc mở rộng các khả năng khác của doanh nghiệp, vì vốn là tiền đề cho mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi lẽ, hoạt động sản xuất nói chung và đặc biệt là hoạt động xuất khẩu, đòi hỏi doanh nghiệp phải có nội lực về tài chính để trang trải cho các chi phí từ khâu tạo ra nguyên vật liệu, cho tới sản xuất ra sản phẩm đến việc tiếp cận thị trường nhập khẩu và chi phí cho hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, chưa kể đến các chi phí cho các

rủi ro xuất hiện trong quá trình xuất khẩu. Do đó, doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu dệt may cần phải có các phương án tăng vốn điều lệ, cũng như vốn kinh doanh để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Để thực hiện điều này, ngay từ ngày mới thành lập, doanh nghiệp cần phải huy động được nguồn vốn góp đủ lớn, thành lập các doanh nghiệp có khả năng huy động vốn lớn như công ty cổ phần hoặc công ty TNHH 2 thành viên, điều này giúp doanh nghiệp chủ động trong việc điều chỉnh nguồn vốn góp vào để kinh doanh. Ngoài ra, doanh nghiệp cần có các phương án vay ngân hàng, tận dụng các nguồn hỗ trợ từ vốn ODA.

Thứ ba, trình độ và năng lực kinh doanh xuất khẩu của đội ngũ cán bộ kinh doanh trong doanh nghiệp. Là những chủ thể trực tiếp thực hiện các công việc của quá trình sản xuất hàng dệt may. Vì vậy, trình độ và năng lực trong hoạt động xuất khẩu của những người này quyết định tới hiệu quả công việc, chất lượng và mẫu mã sản phẩm dệt may xuất khẩu. Vì vậy, doanh nghiệp cần có các chiến lược tuyển dụng và sử dụng con người phù hợp với vai trò, đặc biệt là những người trực tiếp quản lý hoạt động sản xuất sản phẩm của nhà máy.

Thứ tư, năng lực về khoa học công nghệ của thiết bị máy móc sản xuất của doanh nghiệp dệt may. Bên cạnh trình độ của người lao động thì hàm lượng khoa học của các thiết bị máy móc sản xuất quyết định đến chất lượng, mẫu mã sản phẩm dệt may. Máy móc thiết bị hiện đại, tạo ra sản phẩm hiện đại đáp ứng được nhu cầu người sử dụng, do đó sản phẩm sản xuất ra sẽ bán được, đưa lại nguồn lợi nhuận cao và ngược lại. Yếu tố khoa học công nghệ đặc biệt càng ảnh hưởng khi sản phẩm là hàng dệt may. Bởi lẽ, một trong những đặc trưng của hàng dệt may là chất lượng sản phẩm, hình dáng, mẫu mã, màu sắc luôn phải thay đổi theo nhu cầu của người dùng, thay đổi theo khí hậu, theo nét văn hóa của từng khu vực, do đó việc có những dây chuyền sản xuất đáp ứng nhu cầu thị hiếu sẽ giúp doanh nghiệp chủ động để ứng phó với nhu cầu của người tiêu dùng, đặc biệt là của các thị trường nhập khẩu.

1.3.3. Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may trong nước.

Cạnh tranh giúp cho các doanh nghiệp có những đổi mới về chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm, làm cho sản phẩm dệt may ngày càng đẹp hơn, đa dạng về mẫu mã nhưng giá cả lại rẻ hơn. Nhưng, cạnh tranh cũng tác chèn ép và “dìm chết” các doanh nghiệp yếu kém. Mức độ cạnh tranh ở đây biểu hiện số lượng của các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu mặt hàng dệt may. Hiện nay, nhà nước có chủ trương khuyến khích mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu, và xuất khẩu dệt may là hướng ưu tiên chủ đạo của Nhà nước, vì thế đã dẫn đến sự bùng nổ số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu, điều này dẫn đến có các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh hoặc hành vi hạn chế cạnh tranh ảnh hưởng đến chính các doanh nghiệp và xa hơn là ảnh hưởng đến ngành xuất khẩu dệt may của đất nước.

1.3.4. Các nhân tố chi phối khác

Thứ nhất, tình hình phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của thị trường xuất khẩu. Có ảnh hưởng đến nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp xuất khẩu hàng dệt may. Các nhân tố phản ánh sự phát triển kinh tế của thị trường xuất khẩu là tổng sản phẩm quốc nội (GDP), thu nhập của dân cư, tình hình lạm phát, tình hình lãi suất. Cùng với đó, đặc điểm và sự thay đổi về văn hoá- xã hội của thị trường xuất khẩu cũng tác động rất lớn đến nhu cầu của khách hàng, quyết định mua hàng của khách hàng dẫn tới ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng, kiểu dáng sản phẩm dệt may xuất khẩu của doanh nghiệp.

Thứ hai, tình hình chính trị, hợp tác quốc tế. Điều này biểu hiện ở xu thế hợp tác giữa các quốc gia, dẫn đến sự hình thành các khối kinh tế, chính trị của một nhóm các quốc gia, do đó sẽ ảnh hưởng đến tình hình thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp.

Thứ ba, trình độ phát triển khoa học công nghệ của thị trường xuất khẩu. Điều này ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội của thị trường đó, do vậy sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu và sức mua của khách hàng.

Thứ tư, chính sách thương mại của các quốc gia có thị trường xuất của doanh nghiệp. Có thể làm hạn chế hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường đó. Một quốc gia có chính sách thương mại tự do sẽ giúp cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp sang thị trường quốc gia đó được thực hiện một cách dễ dàng hơn và thường mang lại hiệu quả kinh tế cao và ngược lại.

Thứ năm, mức độ cạnh tranh quốc tế. Biểu hiện ở sức ép từ phía các doanh nghiệp, các công ty quốc tế đối với doanh nghiệp khi cùng tham gia vào một thị trường xuất khẩu nhất định. Sức ép này càng lớn thì càng gây khó khăn cho doanh nghiệp khi muốn thâm nhập, duy trì, mở rộng thị trường xuất khẩu cho mình.

Cuối cùng, ảnh hưởng của tình hình kinh tế - xã hội thế giới. Trong điều kiện mà mỗi quốc gia đều dựa vào lợi thế của mình cũng như thị trường tiêu thụ thế giới để tổ chức sản xuất và xuất khẩu thì tính liên kết và phụ thuộc giữa các nước ngày càng tăng lên. Chính vì điều này mà mỗi sự biến động của tình hình kinh tế- xã hội ở nước ngoài đều có những ảnh hưởng nhất định đối với hoạt động kinh tế trong nước. Lĩnh vực hoạt động xuất khẩu là lĩnh vực trực tiếp quan hệ với các chủ thể ở nước ngoài, chịu sự chi phối và tác động của các nhân tố ở nước ngoài nên nó lại càng rất nhạy cảm. Bất kỳ một sự thay đổi nào về chính sách xuất khẩu, tình hình lạm phát, thất nghiệp hay tăng trưởng về suy thoái kinh tế...của các nước đều ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp xuất khẩu ở nước ta.

Tiểu kết: Mục này đã phân tích được những yếu tố chi phối đến hoạt động xuất khẩu nói chung và hoạt động xuất khẩu hàng dệt may nói riêng, việc này đã giúp doanh nghiệp nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng, chiều hướng tác động đến hoạt động xuất khẩu hàng dệt may hiện tại cũng như trong tương lai, từ đó có định hướng và xây dựng những giải pháp cụ thể loại bỏ hoặc giảm thiểu những yếu tố tác động tiêu cực, giúp nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng dệt may.

1.4. Lý luận về tác động của FTAs đến doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may

1.4.1. Nhận diện tác động của FTAs đến doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may

Hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc ký kết FTAs đang trở thành xu thế phổ biến. FTAs về cơ bản là hiệp định trong đó các nước tham gia ký kết thỏa thuận dành cho nhau những ưu đãi, đó là các hàng rào thương mại kể cả thuế quan và phi thuế quan đều được loại bỏ, song mỗi nước thành viên vẫn được tự do quyết định những chính sách thương mại độc lập của mình đối với các nước không phải thành viên của hiệp định. FTAs có thể được ký kết song phương (được ký kết giữa 2 nước) hoặc ký kết đa phương (ký giữa nhiều nước). Tuy nhiên, dù là song phương hay đa phương, FTAs thường đem lại lợi ích rất lớn cho các nước thành viên trong việc thúc đẩy thương mại, tận dụng những lợi thế so sánh của nhau. Không những thế, do có phạm vi hợp tác rộng, FTAs còn xúc tiến tự do hóa đầu tư, hợp tác chuyển giao công nghệ, hiệu suất hóa thủ tục hải quan và nhiều dịch vụ khác.

Như vậy, có thể thấy, FTAs là giải pháp các quốc gia mở rộng và tự do hóa quan hệ thương mại bằng những thỏa thuận về đầu tư, cạnh tranh, môi trường và tiêu chuẩn lao động. Vì trên thực tế, bản thân các quốc gia không tự cắt giảm thuế, xóa bỏ các rào cản, mà chỉ có thông qua đàm phán, thiết lập FTAs, mở ra các cơ hội để thúc đẩy tự do hóa, góp phần vào quá trình tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia thành viên. Do đó, việc tham gia FTAs sẽ mang lại những tác động đối với nền kinh tế, chính trị, ngoại giao của mỗi quốc gia thành viên, trong đó, đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp, đầu tiên đó chính là các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu hàng Dệt may nói riêng.

Khi đánh giá về những tác động của FTAs, các chuyên gia kinh tế thường chỉ làm hai dạng tác động là tác động tĩnh và tác động động: Tác động tĩnh là tác động diễn ra với bất cứ thành viên nào khi tham gia ký FTAs, còn tác động động

là tác động có thể xảy ra hoặc không xảy ra trong mỗi FTAs cũng như đối với mỗi thành viên FTAs.

Tác động tĩnh của FTA có thể là tác động tạo thương mại hoặc tác động làm chuyển hướng thương mại. Khi ký các FTA, các thành viên được hưởng ưu đãi, trong đó có việc cắt giảm hoặc xóa bỏ các hàng rào thuế quan. Với việc này, xuất hiện tình trạng có hàng hóa thông qua nhập khẩu sẽ rẻ hơn so với hàng hóa sản xuất trong nước do có chi phí cao hơn. Dạng tác động này làm các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa trong nước đứng trước cuộc cạnh tranh khốc liệt về chất lượng cũng như giá cả. Nếu chất lượng hàng hóa kém, giá cả cao thì nguy cơ thị trường nội địa sẽ rơi vào tay của những doanh nghiệp nhập khẩu đến từ các nước thành viên. Do vậy, trước bối cảnh đó, các doanh nghiệp Dệt may cần phải lựa chọn cho mình những giải pháp để đứng vững và phát triển trên thị trường nội địa.

Về tác động động được hiểu là khi thực thi các FTAs thì buộc các quốc gia thành viên phải mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ và đầu tư bằng việc thực hiện các cam kết về cắt giảm, xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Do được hưởng các ưu đãi và xóa bỏ các rào cản thuế nên các thành viên FTA được hưởng lợi từ sự gia tăng quy mô thị trường, cũng có nghĩa nhu cầu và tính đa dạng thị trường tăng lên, mở ra các cơ hội với nhà sản xuất. Tất nhiên, đi liền với mở rộng thị trường là sự gia tăng cạnh tranh trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Cạnh tranh được coi là động lực phát triển và đó cũng là tác động lớn nhất của FTA. Như vậy, trong tác động này, các doanh nghiệp trong đó có Dệt may hoàn toàn có cơ hội nhập khẩu nguyên vật liệu cũng như xuất khẩu hàng hóa thành phẩm sang thị trường các nước thành viên, là điều kiện để tốt để mở rộng thị trường, tăng quy mô, tăng thu nhập và phát triển sản xuất, nhưng cần chú ý rằng, các doanh nghiệp phải đối mặt với những rủi ro từ sự cạnh tranh và các ràng buộc pháp lý của các nước thành viên, đặc biệt trong lúc này vì phải thực hiện các cam kết trong FTAs nên Chính phủ sẽ không thể sử dụng các công cụ như thuế quan, phi thuế quan để bảo vệ cho các doanh nghiệp của mình được nữa, do đó các doanh nghiệp phải tự thân vận động để phát triển. Và các tác

động này tạo ra sức ép để các nhà sản xuất trong nước phải vận động vươn lên, nắm lấy cơ hội đổi mới hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đổi mới công nghệ, hạ giá thành sản phẩm. Đó là con đường duy nhất để thành công trong hội nhập đối với các doanh nghiệp.

1.4.2. Các dạng tác động của FTAs đến doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may

Thứ nhất, dựa vào kết quả mà FTAs mang lại cho các doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may, có thể phân loại thành tác động tích cực, tác động tiêu cực, cụ thể:

Một là, tác động tích cực: Việc Việt Nam tham gia FTAs những tác động tích cực thúc đẩy ngành Dệt may nói chung và cụ thể là các doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may phát triển. Điều này được thể hiện:

(i) Doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may có cơ hội mở thị trường xuất khẩu, tăng số lượng, sản lượng sản phẩm Dệt may xuất khẩu: Việc tham gia ký kết các FTA đã mở toang cánh cửa thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp Dệt may. Trước đây, khi chưa có các FTAs, các sản phẩm Dệt may của Việt Nam chủ yếu được sản xuất và tiêu thụ trong nước hoặc các đối tác làm ăn truyền thống, tuy nhiên khi các FTA được thiết lập nhiều thị trường nhập khẩu được kết nối, đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nhiều lựa chọn, nhiều thị trường cho mình hơn. Ví dụ, hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng Dệt may có quyền xuất khẩu sản phẩm mình sang các thị trường như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước thuộc khối Asean, v.v. Khi thị trường xuất khẩu mở rộng, thì đi kèm với đó là sự gia tăng về nhu cầu sản lượng hàng Dệt may, điều này giúp các doanh nghiệp mở rộng được quy mô, tăng số lượng lao động, tăng vốn đầu tư, v.v.

(ii) Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp: Việc tham gia FTAs, buộc Việt Nam phải mở cửa thị trường bằng việc cắt giảm thuế quan theo cam kết, điều này tạo điều kiện cho sản phẩm Dệt may của nhiều quốc gia cũng có cơ hội nhập vào Việt Nam trước xu hướng đó, buộc sản phẩm Dệt may các doanh nghiệp trong nước phải nâng cao chất lượng, số lượng, giá cả hợp lý để đảm bảo tính cạnh tranh. Hơn nữa, khi xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, hàng

Dệt may của các Doanh nghiệp Việt Nam cũng vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các nước. Chính vì vậy, muốn tồn tại và phát triển các doanh nghiệp Dệt may phải vận động và phát triển.

(iii) Được hưởng thuế suất và các ưu đãi từ các cam kết trong FTAs. Khi tham gia thỏa thuận các FTA, vấn đề đầu tiên là các quốc gia thành viên sẽ đưa ra những lộ trình về cam kết cắt giảm thuế suất đối với hàng hóa nhập khẩu, và thường sẽ dành cho nhau những ưu đãi về thuế suất và thậm chí thuế suất sẽ được miễn trừ về 0%, do đó khi xuất khẩu các doanh nghiệp Dệt may sẽ được hưởng lợi trong FTAs.

Hai là, tác động tiêu cực: Bên cạnh những tác động tích cực, thì việc thực thi FTAs đặt ra cho doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may không ít những tác động tiêu cực đó là sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường với các rào cản pháp lý được đặt ra trong FTAs như về đảm bảo yêu cầu về môi trường; về kỹ thuật; về nguồn gốc xuất xứ, v.v. Nếu không khắc phục được, các doanh nghiệp Dệt may sẽ mất đi thị trường xuất khẩu.

Thứ hai, dựa vào lĩnh vực tác động, thì có thể phân thành: (i) Tác động đối với nền kinh tế; (ii) Tác động chính trị, Cụ thể:

Một là, tác động đối với nền kinh tế: FTAs mở ra cơ hội xuất khẩu cho doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp Dệt may nói riêng, qua đó làm tăng số lượng sản phẩm, tăng nguồn thu, đóng góp vào GDP cho nền kinh tế, đặc biệt tăng vị thế cũng như hình ảnh trên trường quốc tế. Ngoài ra, tham gia FTA còn tạo cho các nước một sự “yên tâm” hơn khi có những bất ổn trong kinh tế, thương mại toàn cầu, cũng như đem lại lợi ích chính trị cho các nước tham gia qua việc nâng cao vị thế của họ trong đàm phán.

Hai là, tác động chính trị: FTAs giúp doanh nghiệp mở rộng quan hệ làm ăn với nhiều doanh nghiệp đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, đến từ nhiều châu lục khác nhau, đó có thể là châu Á, châu Âu, châu Phi, v.v.

Thứ ba, dựa vào các rào cản pháp lý từ FTAs, có thể phân loại các tác động thành: (i) Tác động từ thuế quan; (ii) Tác động từ rào cản về thủ tục hành chính; (iii) Tác động từ quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể:

Một là, tác động từ thuế quan: Một trong những cam kết mà các quốc gia thành viên luôn đưa vào thỏa thuận trong các FTA là thuế quan đến với hàng hóa xuất khẩu. Bên cạnh việc hưởng lợi từ các cam kết cắt giảm thuế quan từ FTAs thì các doanh nghiệp Dệt may phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của hàng hóa các doanh nghiệp thành viên. Đây thực sự là một thách thức mà các doanh nghiệp Việt Nam thật sự phải lo ngại.

Hai là, tác động từ rào cản về thủ tục hành chính: Khi thực thi FTAs thì thủ tục hành chính của nước nhập khẩu cũng là một rào cản, cản trở không nhỏ đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp.

Ba là, tác động từ quy định về bảo vệ môi trường: Bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí mà FTAs luôn nhắc tới và buộc các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp trong lĩnh vực Giấy da, Dệt may phải tuân thủ nghiêm ngặt khi xuất khẩu

Kết luận Chương 1

Trong quá trình phân tích những vấn đề lý luận cơ bản ngành Dệt may và những tác động của FTAs đối với hoạt động xuất khẩu dệt may của doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu đã thu được những kết quả sau:

(i) Làm rõ được một số vấn đề lý luận cơ bản về ngành Dệt may và doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu Dệt may;

(ii) Nhận diện và phân tích được những vấn đề lý luận của các dạng tác động của FTAs đối với doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may.

Đây là những cơ sở lý luận cơ bản giúp nhóm nghiên cứu triển khai, phân tích các nội dung tại Chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA NGÀNH DỆT MAY QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Tổng quan các quy định trong FTAs liên quan đến ngành Dệt may Việt Nam

2.1.1. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc (VKFTA)

Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 22 tháng 12 năm 1992. Trải qua gần 25 năm, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã có những bước phát triển vượt bậc. Quan hệ hai nước từ đối tác bình thường trở thành “đối tác toàn diện trong thế kỷ 21” vào năm 2001 và trở thành “đối tác hợp tác chiến lược” vào năm 2009. Đến nay, Hàn Quốc là đối tác lớn của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực như: đứng thứ nhất về đầu tư, đứng thứ hai về viện trợ ODA và đứng thứ ba về thương mại.

Năm 2016 Việt Nam và Hàn Quốc đã ký hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ ASEAN-HÀN QUỐC. Để tăng cường sự hợp tác giữa hai quốc gia ngày 5/5/2015 hai bên đã chính thức ký kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc và có hiệu lực vào ngày 20/12/2015. Hiệp định gồm có 17 chương gồm 208 điều, 15 phụ lục và 1 thỏa thuận thực thi quy định, với các chương chính: thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa hải quan, phòng vệ thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, minh bạch, hợp tác kinh tế, thể chế và vấn đề pháp lý.

VKFTA là một hiệp định mang tính hợp tác toàn diện, với mức độ cam kết cao và bảo đảm cân bằng lợi ích cho cả hai bên. VKFTA đã dành nhiều ưu đãi hơn so với Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) đối với hai bên về thương mại, hàng hóa, đầu tư và dịch vụ.

Theo hiệp định, các bên đã cam kết cắt giảm những mặt hàng mà trong AKFTA chưa được cắt giảm hoặc cắt giảm bị hạn chế, mà cụ thể là:

- Hàn Quốc sẽ xóa bỏ thêm cho Việt Nam 506 dòng thuế (chiếm 4,14% biểu thuế và tương đương với 5,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012)

- Việt Nam sẽ xóa bỏ thêm cho Hàn Quốc 265 dòng thuế (chiếm 2,2% biểu thuế và tương đương với 5,91% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012)¹⁸.

Vì vậy, tổng hợp tất cả các cam kết trong VKFTA và AKFTA thì:

- Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam 11.679 dòng thuế (chiếm 95,44% biểu thuế và tương đương với 97,22% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012)

- Việt Nam sẽ xóa bỏ cho Hàn Quốc 8.521 dòng thuế (chiếm 89,15% biểu thuế và tương đương 92,72% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012)¹⁹.

Bên cạnh đó phần B điều 2.3 của hiệp định cũng quy định trong quá trình thực thi VKFTA hai bên có thể tham vấn và xây dựng các thảo thuận bổ sung để đẩy nhanh việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, trong trường hợp một bên muốn đẩy nhanh việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan thì phải thông báo cho bên kia và sau khi việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan có hiệu lực thì không được rút lại.

¹⁸ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc, <file:///E:/T%C3%80I%20LI%E1%BB%86U%20L%C3%80M%20KH%C3%93A%20LU%E1%BA%ACN/VKF/TA/twto - tom luoc vkfta.pdf>, truy cập Thứ tư ngày 04/04/2018

¹⁹ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc, <file:///E:/T%C3%80I%20LI%E1%BB%86U%20L%C3%80M%20KH%C3%93A%20LU%E1%BA%ACN/VKF/TA/twto - tom luoc vkfta.pdf>, truy cập Thứ tư 04/04/2018

Bảng 2.1: Những cam kết thuế quan trong VKFTA và AKFTA

Tên nước	Số dòng thuế xóa bỏ	Tỷ lệ (%) trong biểu thuế	Tỷ lệ về kim ngạch nhập khẩu năm 2012 (%)
Cam kết xóa bỏ thuế quan trong VKFTA			
Việt Nam	265	2,2	5,91
Hàn Quốc	506	4,14	5,5
Cam kết xóa bỏ thuế quan trong VKFTA và AKFTA			
Việt Nam	8.521	89,15	92,72
Hàn Quốc	11.679	95,44	97,22

*(Nguồn: Bộ Tài Chính)***Bảng 2.2 : Các dòng thuế Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam trong VKFTA²⁰**

STT	Ngành	Số dòng thuế cắt giảm
1.	Nhóm Tôm	7 dòng (áp dụng hạn ngạch thuế quan)
2.	Nhóm dệt may	24 dòng
3.	Nhóm sản phẩm gỗ	64 dòng
4	Nhóm hoa quả nhiệt đới (tươi, đóng hộp)	18 dòng
5	Nhóm thủy sản (đông lạnh, đóng hộp) gồm các mặt hàng cá, cua (trừ mực)	68 dòng
6	Nhóm tỏi, gừng (khô, đông lạnh)	7 dòng
7.	Nhóm rau quả và nông sản	50 dòng
8	Mật ong	1 dòng
9.	Các hàng hóa khác (cà phê, hóa chất, thực phẩm chế biến...)	Các dòng còn lại
	Tổng cộng	502 dòng ²¹

*(Nguồn: Bộ Tài Chính)*²⁰ chỉ tính số xóa bỏ cao hơn trong AKFTA²¹ Trong cam kết có 506 dòng nhưng có 4 dòng sản phẩm bị xóa bỏ theo MFN

Bảng 2.3: Những dòng thuế Việt Nam cam kết xóa bỏ cho Hàn Quốc²²

STT	Ngành	Số dòng thuế cắt giảm
1.	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	31 dòng
2.	Động cơ, linh kiện, phụ tùng ô tô	33 dòng
3.	Nguyên liệu nhựa	8 dòng
4.	Điện gia dụng	15 dòng
5.	Máy móc thiết bị (ắc quy, máy biến thế, động cơ điện)	16 dòng
6.	Ô tô (1 dòng xe tải trên 10 tấn, 1 dòng ô tô con trên 3000cc)	2 dòng
7.	Sản phẩm & linh kiện điện tử	31 dòng
8.	Mỹ phẩm	7 dòng
9.	Dược phẩm	6 dòng
10.	Dây điện, cáp điện	4 dòng
11.	Hàng hóa khác	Các dòng còn lại
	Tổng cộng	200 dòng ²³

(Nguồn: Bộ Tài Chính)

Khi hiệp định VKFTA có hiệu lực, ngành dệt may sẽ được hưởng lợi và được kỳ vọng là sẽ làm tăng tốc độ nhập khẩu vào thị trường Hàn Quốc khi có đến 24 dòng sản phẩm trong nhóm ngành dệt may sẽ được Hàn Quốc xóa bỏ cho Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ đến 31 dòng sản phẩm trong nhóm ngành nguyên phụ liệu dệt may, da giày cho Hàn Quốc.

Mặc khác, các ngành xuất khẩu nói chung và ngành dệt may nói riêng nếu muốn được hưởng các ưu đãi thuế quan thì phải đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ mà hiệp định này quy định. Theo đó, hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ của một bên được xem là có xuất xứ và sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan nếu đáp

²² Chỉ tính số dòng thuế cắt giảm lớn hơn trong AKFTA

²³ Trong cam kết có 265 dòng nhưng có 65 dòng đã bị cắt giảm theo MFN

ứng được một trong ba điều kiện được quy định tại điều 3.1 phần A chương 3 của hiệp định:

Có xuất xứ thuần túy và được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước xuất khẩu, hàng dệt may của Việt Nam được xem là có xuất xứ thuần túy và được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu vào Hàn Quốc khi có nguyên liệu sản xuất được trồng tại lãnh thổ Việt Nam và toàn bộ các công đoạn sản xuất để hoàn thành sản phẩm được thực hiện tại Việt Nam;

Không có xuất xứ thuần túy và không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước xuất khẩu nhưng đáp được quy tắc cụ thể mặt hàng, hay hàng hóa được sản xuất tại khu công nghiệp trên bán đảo triều tiên mà có nguyên liệu từ một bên sau đó tái nhập trở lại bên đó, hoặc sử dụng nguyên liệu tại lãnh thổ của bên kia để sản xuất ra một thành phẩm đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan, thì được coi là có xuất xứ

Điều này có nghĩa là nếu hàng dệt may không có xuất xứ thuần túy và không được sản xuất hàng toàn tại Việt Nam nhưng đáp ứng được quy định về hàm lượng khu vực (RVC) phù hợp với quy tắc cụ thể mặt hàng được quy định tại phụ lục 3-A của hiệp định thì khi xuất khẩu hàng hóa vào Hàn Quốc vẫn được xem là có quy tắc xuất xứ;

Được sản xuất toàn bộ trên lãnh thổ của bên xuất khẩu từ những nguyên liệu có xuất xứ tại Việt nam hoặc Hàn quốc theo quy tắc cộng gộp xuất xứ, hàng dệt may khi xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc vẫn được xem là có quy tắc xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan khi nguyên liệu để sản xuất hàng dệt may có xuất xứ từ Hàn Quốc hoặc Việt Nam.

Bên cạnh đó, thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi (C/O), VKFTA vẫn áp dụng quy trình cấp chứng nhận xuất xứ thông qua một cơ quan có thẩm quyền do nhà nước quy định. C/O có thể được cấp trước hoặc ngay thời điểm hàng lên tàu hoặc trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ ngày hàng lên tàu. Trong trường hợp C/O không được cấp trước hoặc vào thời điểm hàng lên tàu, hoặc trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày hàng lên tàu do sai sót vô ý hoặc có lý do xác đáng, C/O

có thể được cấp sau nhưng không quá 1 năm kể từ ngày hàng lên tàu và phải mang dòng chữ “ISSUED RETROACTIVELY”.

Mặt khác, C/O không cần phải nộp nếu hàng hóa nhập khẩu có giá trị không quá 600 đô la mỹ tính theo trị giá FOB hoặc một mức cao hơn nếu nước nhập khẩu cho phép.

Ngoài ra, hiệp định còn đưa ra các cam kết về các nguyên tắc, cam kết về mở cửa thị trường đối với thương mại dịch vụ, chính sách cạnh tranh, thủ tục hải quan, các cam kết đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư, hay các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT).

2.1.2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)

Việt Nam-EU chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 28/11/1990. Vào năm 1995, Việt Nam và Cộng đồng châu Âu ký Hiệp định Khung Hợp tác Việt Nam – EC, hiệp định cụ thể hóa 4 mục tiêu: đảm bảo các điều kiện và thúc đẩy sự phát triển của thương mại – đầu tư song phương, hỗ trợ sự phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam, tăng cường hợp tác kinh tế, trong đó có bao gồm việc hỗ trợ những nỗ lực của Việt Nam nhằm hướng tới nền kinh tế thị trường, hỗ trợ Việt Nam trong công tác bảo vệ môi trường và quản trị bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.²⁴

Ngày 27/6/2012 hiệp định PCA được ký kết đã thay thế cho Hiệp định hợp tác Việt Nam ký với Cộng đồng Châu Âu năm 1995. Hiệp định PCA Việt Nam – EU được ký sẽ tạo khuôn khổ pháp lý mới, mở rộng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và EU trong nhiều năm tới theo hướng "quan hệ đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện và lâu dài vì hòa bình và phát triển của khu vực và thế giới". Hiệp định PCA không chỉ điều chỉnh quan hệ song phương giữa Việt Nam và EU trên các lĩnh vực như hợp tác phát triển, kinh tế-thương mại, giáo dục-đào tạo, khoa học-

²⁴Bách khoa toàn thư mở, Quan hệ Liên minh châu Âu-Việt Nam
https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_h%E1%BB%87_Li%C3%AA_n_minh_ch%C3%A2u_%C3%82u_%E2%80%93_Vi%E1%BB%87t_Nam. truy cập Thứ tư ngày 21/3/2018

công nghệ, nông nghiệp, y tế, du lịch... mà còn bao gồm hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, hợp tác đối phó với các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, môi trường, thiên tai, an ninh năng lượng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, khủng bố và tội phạm có tổ chức.

Trên cơ sở PCA, để đưa mối quan hệ giữa Việt Nam và EU bước sang một giai đoạn mới, hiệu quả hơn, sâu sắc hơn, ngày 2/12/2015 tại Bỉ, Việt Nam và EU chính thức kí kết hiệp định thương mại tự do và dự kiến Hiệp định sẽ có hiệu lực vào đầu năm 2018.

EVFTA là một FTA thế hệ mới, với phạm vi cam kết và mức độ cao kết cao, là hiệp định có nội dung toàn diện không chỉ bao gồm các lĩnh vực thương mại truyền thống như hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, minh bạch hóa, pháp lý-thể chế... mà còn có các lĩnh vực “phi truyền thống” như mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, bảo vệ môi trường, thương mại và phát triển bền vững... và đây là Hiệp định có mức độ cam kết sâu rộng nhất mà Việt Nam từng tham gia.

Hiệp định EVFTA gồm có gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: Thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), Quy tắc xuất xứ, Hải quan và thuận lợi hóa thương mại, Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), Các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), Thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), Đầu tư, Phòng vệ thương mại, Cạnh tranh, Doanh nghiệp nhà nước, Mua sắm của Chính phủ, Sở hữu trí tuệ, Thương mại và Phát triển bền vững, Hợp tác và xây dựng năng lực, Pháp lý-Thể chế.

Theo đó, hai bên thống nhất thực hiện cắt giảm thuế quan với lộ trình nhanh và tương đối toàn diện. Hiệp định EVFTA đã mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới cho cả Việt Nam và EU. Theo cam kết, hai bên sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với hơn 99% số dòng thuế và kim ngạch xuất khẩu cho hàng hóa của nhau với lộ trình tối đa là 7 năm từ phía EU và 10 năm từ phía Việt

Nam. Lộ trình và tỷ lệ xóa bỏ thuế quan của hai bên trong Hiệp định EVFTA như sau:

Bảng 2.4. Lộ trình cam kết xóa bỏ thuế quan trong EVFTA

Lộ trình	Cam kết xóa bỏ của Việt Nam	Cam kết xóa bỏ của EU
Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực	48,5% số dòng thuế	85,6% số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm	91,8% số dòng thuế	99,2% số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm	98,3% số dòng thuế	
Tỷ lệ còn lại	Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của Việt Nam gồm các mặt hàng có hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO, một số mặt hàng đặc biệt có lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc không giảm dần đều (như thuốc lá, xăng dầu, bia, CKD)	Đối với khoảng 0,8% số dòng thuế còn lại, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%

Nguồn: Bộ công thương

Mặc khác, theo hiệp định Việt Nam và EU cam kết không áp dụng bất kỳ loại thuế, phí xuất khẩu nào trừ các trường hợp được bảo lưu (theo cam kết thì chỉ có Việt Nam có bảo lưu, EU không có bảo lưu nào). Theo cam kết này, trừ các trường hợp có bảo lưu của Việt Nam, Việt Nam và EU sẽ không áp dụng loại thuế, phí nào riêng đối với hàng xuất khẩu mà không áp dụng cho hàng tiêu thụ

nội địa, không áp dụng mức thuế, phí đối với hàng xuất khẩu cao hơn mức áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa.

Trong năm 2016, các mặt hàng chủ lực của Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường EU như: Điện thoại và linh kiện đạt 11,24 tỷ đô, chiếm 33% tỷ lệ xuất khẩu, Nông sản đạt 2,59 tỷ đô, chiếm 21% tỷ lệ xuất khẩu, Dệt may đạt 3,56 tỷ đô, chiếm 15% tỷ lệ xuất khẩu, hay ngành Giày dép đạt 4,22 tỷ đô, chiếm 32% tỷ lệ xuất khẩu.²⁵

Theo cam kết trong EVFTA, sau khi Hiệp định có hiệu lực 42,5% số dòng thuế của ngành dệt may sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu, số còn lại sẽ được xóa bỏ theo lộ trình trong vòng 7 năm. Điều đó giúp cho ngành dệt may được kỳ vọng là sẽ được hưởng lợi nhiều nhất khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Tuy nhiên, để được hưởng các ưu đãi về thuế quan ngành dệt may phải đáp ứng được các quy định về quy tắc xuất xứ, hàng dệt may được coi là có quy tắc xuất xứ khi đáp ứng được một trong ba điều kiện sau:

Có xuất xứ thuần túy, nguyên phụ liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất và toàn bộ quá trình sản xuất được thực hiện tại Việt Nam thì khi xuất khẩu vào thị trường EU hàng dệt may Việt Nam sẽ được xem là có quy tắc xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan;

Hàng dệt may Việt Nam sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ thuần túy, nhưng những nguyên liệu sản xuất đó đã qua gia công hoặc xử lý tại Việt Nam hoặc các nước thành viên EU theo quy định tại điều 5 của Nghị định thư về quy tắc xuất xứ thì vẫn được xem là có quy tắc xuất xứ và sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan;

Đáp ứng được Quy tắc cụ thể mặt hàng, để sản phẩm dệt may được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì vải sử dụng để tạo thành sản phẩm phải có xuất xứ từ Việt Nam hoặc EU và việc cắt, may phải được thực hiện tại Việt Nam hoặc EU. Tuy nhiên vải có xuất xứ từ Hàn Quốc vẫn được xem là có xuất xứ nếu đáp ứng

²⁵ Vụ chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương (2017), tài liệu Hội thảo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA): Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam, tp.Đà Nẵng

các điều kiện về quy trình sản xuất theo quy định tại điều 6 của Nghị định thư vì Hàn Quốc đã kí FTA với cả Việt Nam và EU.

Hiệp định EVFTA cũng ghi nhận hai cơ chế chứng nhận quy tắc xuất xứ là cấp giấy chứng nhận xuất xứ và nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Theo cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của EU, các doanh nghiệp được EU cấp mã số ủy quyền (authorisation number) sẽ được phép tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu. Để được cấp mã số ủy quyền tự chứng nhận xuất xứ doanh nghiệp xuất khẩu phải đáp ứng một số quy định tương đối chặt và cơ quan hải quan thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện này. Bên cạnh các doanh nghiệp được ủy quyền, một số ít doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc với các lô hàng trị giá nhỏ (dưới 6.000 Euro), EU vẫn duy trì hệ thống tổ chức cấp C/O cho các đối tượng này.²⁶

Ngoài ra đối với hàng hóa quá cảnh và chia nhỏ lô hàng tại một nước không phải là Việt Nam hoặc EU thì vẫn được chứng nhận xuất xứ nếu nhà nhập khẩu đưa ra chứng cứ chứng minh được xuất xứ của hàng hóa vẫn chưa bị thay đổi.

EVFTA là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nên quy định khá toàn diện về thương mại và phát triển bền vững với các cam kết: thực thi hiệu quả tiêu chuẩn cơ bản của tổ chức lao động thế giới (ILO); các hiệp định đa phương về môi trường; không vì thu hút đầu tư mà giảm các yêu cầu hoặc gây hại đến môi trường và lao động trong nước; bảo tồn và quản lý bền vững nguồn đa dạng sinh học

Bên cạnh các quy định về thương mại hàng hóa, thương mại và phát triển bền vững. Hiệp định còn quy định về thương mại dịch vụ, đầu tư, các chính sách cạnh tranh với các cam kết nhằm hướng đến việc tạo ra môi trường kinh doanh cởi mở, minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp hai bên.

Những cam kết về hàng rào thuế quan như: Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT), Các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS), Các biện pháp phi thuế quan

²⁶ MUTRAP (2017), Báo cáo Quy tắc xuất xứ trong FTA Việt Nam là thành viên, http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/icb-46_so_tay_quy_tac_xuat_xu_trong_fta_v_1.pdf, truy cập Thứ bảy 07/04/2018

khác cũng được quy định trong Hiệp định nhằm mục đích giảm bớt hàng rào thuế quan như: cam kết về cấp phép xuất khẩu/nhập khẩu, thủ tục hải quan...tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai Bên.

2.1.3. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

Hiệp định CPTPP chính thức được kí kết vào rạng sáng ngày 9/3/2018 tại Santiago, Chile. Tiền thân của CPTPP chính là Hiệp định TPP, sau khi Mỹ tuyên bố rút khỏi hiệp định thì vào ngày 11/11/2017 tại thành phố Đà Nẵng 11 thành viên còn lại đã tuyên bố về một Hiệp định mới với tên gọi là hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, CPTPP gồm có 11 thành viên với thị trường gồm 500 triệu người và tổng kim ngạch thương mại toàn cầu vượt 10.000 tỷ đô chiếm 13.5% GDP toàn thế giới.

CPTPP được thực hiện theo nguyên tắc duy trì tiêu chuẩn cao, có sự cân bằng và đảm bảo tính toàn vẹn cho toàn bộ hiệp định, đảm bảo về lợi ích cho tất cả các thành viên tham gia, CPTPP gồm 8000 trang với 30 chương, về cơ bản thì những nội dung trong TPP sẽ được giữ nguyên nhưng có bổ sung thêm 2 phụ lục, phụ lục thứ nhất về danh mục 20 nghĩa vụ bị tạm hoãn thực thi của TPP và 4 nội dung cần đàm phán lại như đầu tư và cấp phép đầu tư; giải quyết tranh chấp viển thông; điều kiện tham dự thầu; đối tượng có thể cấp bằng độc quyền sáng chế; minh bạch và công bằng về thủ tục đối với hàng hóa được phẩm và thiết bị y tế... Phụ lục thứ 2 về 7 điều liên quan đến những điểm kỹ thuật của hiệp định mới.

Theo hiệp định, các bên cam kết cắt giảm hoàn toàn thuế nhập khẩu theo lộ trình cho tất cả hàng hóa, với gần 100% dòng thuế sẽ được cắt giảm về 0% trong thời hạn 7 năm riêng Việt Nam là 10 năm.

Mặt khác, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào mỗi thành viên CPTPP sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan riêng cho từng loại hàng hóa và mức ưu đãi có thể khác nhau giữa các thị trường xuất khẩu dù trong cùng thị trường CPTPP. Còn Việt Nam cam kết ưu đãi thuế quan riêng theo từng dòng thuế, nhưng với mỗi ưu đãi theo từng dòng thuế sẽ áp dụng chung cho hàng hóa nhập khẩu đến từ tất cả các nước thành viên CPTPP.

Bảng 2.5 Lộ trình xóa bỏ thuế quan mà các nước thành viên dành cho hàng dệt may của Việt Nam

Quốc gia thành viên	Cam kết về xóa bỏ thuế quan	Lộ trình xóa bỏ thuế quan
Australia	Xóa bỏ thuế về 0% hoặc 5%	Trong 3 năm đầu tiên khi hiệp định có hiệu lực
	Xóa bỏ hoàn toàn	Từ năm thứ 4 trở đi
Brunei	Xóa bỏ hoàn toàn thuế quan	Khi Hiệp định có hiệu lực
Canada	Hàng dệt may sẽ được xóa bỏ hoàn toàn	Khi Hiệp định có hiệu lực
	Một số mặt hàng dệt sẽ chịu thuế cơ sở từ 6.5% - 14%	Đến hết năm thứ 6
	Một số mặt hàng may chịu thuế cơ sở 17 - 18%	Đến hết năm thứ 4
Chile	Xóa bỏ hàng toàn thuế quan	Khi Hiệp định có hiệu lực
NewZealand	Xóa bỏ hoàn toàn thuế quan	Khi Hiệp định có hiệu lực
Mexico	Hàng dệt may sẽ được miễn thuế hoàn toàn	Khi Hiệp định có hiệu lực
	trừ một số mặt hàng dệt chịu thuế cơ sở từ 5 - 15%	sẽ được xóa bỏ thuế sau 5 hoặc 10 năm
	một số mặt hàng may chịu thuế cơ sở 30%	sẽ được xóa bỏ thuế sau 10 - 16 năm
Peru	Hàng dệt may sẽ được miễn thuế hoàn toàn	Khi Hiệp định có hiệu lực
	trừ một số mặt hàng dệt chịu thuế cơ sở từ 9 - 17%	Sẽ được xóa bỏ thuế sau 6 - 16 năm
	một số mặt hàng may chịu thuế cơ sở 17 %	Sẽ được xóa bỏ thuế sau 6 - 16 năm
Malaysia	Toàn bộ hàng may sẽ được xóa bỏ hoàn toàn	Khi Hiệp định có hiệu lực
	hàng sợi được miễn thuế gần hết, ngoại trừ một số mã chỉ khâu (5401, 5508) và xơ sợi 5511 sẽ áp thuế 20%	Đến hết năm thứ 6
Singapore	Xóa bỏ hoàn toàn thuế quan	Khi Hiệp định có hiệu lực
Nhật Bản	Xóa bỏ hoàn toàn thuế quan	Khi Hiệp định có hiệu lực

Cũng giống các FTA mà Việt Nam đã kí trước đó, để được hưởng các ưu đãi thuế quan, ngành dệt may phải đáp ứng được một trong ba quy định về quy tắc xuất xứ mà CPTPP quy định:

Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều bên (có xuất xứ thuần túy) nghĩa là: sản phẩm dệt may phải được sản xuất hoàn toàn tại lãnh thổ của Việt Nam (bao gồm cả nguyên phụ liệu dùng để sản xuất dệt may cũng phải được sản xuất tại Việt Nam) thì khi xuất khẩu hàng hóa vào thị trường các quốc gia thành viên CPTPP mới được hưởng ưu đãi thuế quan

Được sản xuất hoàn toàn trong lãnh thổ của một hoặc nhiều bên và hoàn toàn từ các nguyên liệu có xuất xứ: Sản phẩm dệt may của Việt Nam có thể được sản xuất trong khu vực lãnh thổ và từ các nguyên phụ liệu có xuất xứ từ các nước thành viên của CPTPP.

Được sản xuất hoàn toàn trong lãnh thổ của một hoặc nhiều bên sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện hàng hóa thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng: Hàng dệt may được sản xuất từ các nguyên phụ liệu không có xuất xứ nhưng đáp ứng được các điều kiện về quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng thì khi xuất khẩu vào các nước thành viên CPTPP vẫn được xem là có quy tắc xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan.

Đối với thủ tục xuất xứ, khác với các hiệp định VKFTA hay EVFTA mà Việt Nam đã kí trước đó, CPTPP cho phép nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và nhà nhập khẩu được tự chứng nhận xuất xứ. Giấy chứng nhận xuất xứ có thể áp dụng cho một lô hàng duy nhất hoặc nhiều lô hàng của hàng hóa giống hệt nhau trong khoản thời gian được quy định trong giấy chứng nhận nhưng không được quá 12 tháng.

Các bên cũng thỏa thuận rằng giấy chứng nhận xuất xứ sẽ được miễn nếu giá trị hàng nhập khẩu dưới 1000 đô la mỹ hoặc bên nhập khẩu không yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ với điều kiện việc nhập khẩu không phải là hoạt động nhằm trốn tránh các quy định của pháp luật.

Những vấn đề về lao động, bảo vệ môi trường rất được các nước thành viên CPTPP quan tâm và được quy định cụ thể thành các chương trong Hiệp định. Theo Hiệp định, các bên cam kết thực thi có hiệu quả những quy định của ILO như: cho phép người lao động được tự do tham gia các tổ chức công đoàn, không bị phân biệt đối xử trong lao động và nghề nghiệp, được làm việc trong môi trường an toàn, v.v. Các bên phải thực thi hiệu quả những cam kết thông qua những quy định trong luật Lao động

Với mục đích tạo ra môi trường thương mại thuận lợi, môi trường kinh doanh trong sạch, các bên cũng đã thỏa thuận trong hiệp định các quy định liên quan về thủ tục hải quan, các chính sách cạnh tranh như thủ tục hải quan phải thống nhất, nhanh chóng và minh bạch, trước khi nhập khẩu hàng hóa vào nước mình cơ quan hải quan phải ra quyết định về phân loại thuế quan, áp dụng tiêu chí xác định trị giá hải quan hay hàng hóa có quy tắc xuất xứ hay không, phải duy trì các thủ tục hải quan đơn giản để giải phóng hàng hóa, cơ quan có thẩm quyền của mỗi quốc gia phải nỗ lực, duy trì, đưa ra các biện pháp chống hành vi hạn chế cạnh tranh...

Ngoài ra CPTPP cũng quy định những vấn đề khác như: các biện pháp phòng vệ thương mại, đầu tư, môi trường, thương mại điện tử, viễn thông, hàng rào kỹ thuật thương mại, giải quyết tranh chấp...

2.2. Những tác động của FTAs đối với doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may của Việt Nam

2.2.1. Tác động từ quy định về Quy tắc xuất xứ

Khi các FTA được kí kết, được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tự do hóa thương mại, mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp khi mà hàng rào thuế quan sẽ được cắt giảm đối với những mặt hàng xuất xứ từ những nước thành viên có kí Hiệp định FTA với nhau. Tuy nhiên, hàng rào thuế quan sẽ không tự nhiên bị cắt giảm mà nếu muốn được hưởng ưu đãi thuế quan, thì những mặt hàng của các nước thành viên phải đáp ứng được các quy tắc xuất xứ được quy định trong các Hiệp định

FTA. Vậy quy tắc xuất xứ và mục đích khi áp dụng quy tắc xuất xứ cho hàng nhập khẩu của nước nhập khẩu là gì.

Theo định nghĩa của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quy tắc xuất xứ là tập hợp các tiêu chí cần thiết nhằm đảm bảo xác định được nguồn gốc quốc tịch của hàng hóa. Trong các FTA mà Việt Nam là thành viên, quy tắc xuất xứ ưu đãi (Preferential ROO) là tập hợp các tiêu chí được quy định nhằm đảm bảo hàng hóa đó được hưởng ưu đãi thuế quan FTA nếu tuân thủ các quy định về xuất xứ áp dụng với hàng hóa trong FTA đó.

Quy tắc xuất xứ sẽ giúp cơ quan hải quan xác định được hàng hóa đến từ đâu, từ đó quyết định hàng hóa có được hưởng ưu đãi thuế quan hay không, nếu hàng hóa có xuất xứ trong các FTA thì sẽ được hưởng ưu đãi, hàng hóa có xuất xứ ngoài các FTA sẽ không được hưởng ưu đãi.

Nếu phân chia theo mục đích áp dụng và thị trường nhập khẩu thì quy tắc xuất xứ gồm 2 loại: “Quy tắc xuất xứ ưu đãi” nhằm mục đích được hưởng thuế quan ưu đãi tại thị trường nhập khẩu và “quy tắc xuất xứ không ưu đãi” không nhằm mục đích hưởng thuế quan ưu đãi tại thị trường nhập khẩu mà Việt Nam không có FTA hoặc không bị ràng buộc bởi một thỏa thuận ưu đãi thuế quan nào.²⁷

Mỗi FTA sẽ có những quy định về quy tắc xuất xứ riêng để đảm bảo hàng hóa nếu đáp ứng các quy tắc xuất xứ sẽ được hưởng các ưu đãi thuế quan của các nước thành viên dành cho. Ngành dệt may nếu muốn tận dụng tốt nhất những ưu đãi về thuế quan trong các hiệp định VKFTA, EVFTA hay CPTPP thì phải đáp ứng được những điều kiện về quy tắc xuất xứ trong các FTA mà cụ thể là:

Đối với hiệp định VKFTA, Ngành dệt may Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc nếu muốn được hưởng ưu đãi thuế quan tốt nhất thì phải đáp ứng được một trong các điều kiện về quy tắc xuất xứ:

Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ Việt Nam;

²⁷ MUTRAP (2017), sổ tay quy tắc xuất xứ trong các FTA Việt Nam là thành viên, http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/icb-46_so_tay_quy_tac_xuat_xu_trong_fta_v_1.pdf, truy cập Thứ bảy 07/04/2018

Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Việt Nam từ các nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam hoặc Hàn Quốc;

Không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Việt Nam nhưng đáp ứng được các yêu cầu về Quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng (Phụ lục 3-A) hoặc Phụ lục về các hàng hóa đặc biệt (Phụ lục 3-B) thì vẫn được xem là có quy tắc xuất xứ

Theo quy định tại Thông tư 40/2015/TT-BCT hàng dệt may được sản xuất từ các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất nhưng đã trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp 4 (bốn) số hoặc đạt hàm lượng khu vực (RVC) trên 40% thì vẫn được xem là có xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan.

VKFTA quy định 2 công thức để tính giá trị hàm lượng khu vực là tính trực tiếp và tính gián tiếp, Việt Nam lựa chọn cách tính gián tiếp²⁸:

$$RVC = (FOB - VNM) / FOB \times 100\%$$

Trong đó VNM là trị giá nguyên liệu không có xuất xứ, cụ thể là:

- + Trị giá CIF của nguyên liệu, phụ tùng hay hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu
- + Giá mua đầu tiên xác định được của nguyên liệu, phụ tùng hay hàng hóa không xác định được xuất xứ tại lãnh thổ của Bên nơi diễn ra các công đoạn gia công hoặc chế biến.

Đối với cam kết về các hàng hóa đặc biệt được quy định trong Hiệp định tại Phụ lục 3-B với 100 hàng hóa đặt biệt (danh mục hàng hóa này có thể được sửa đổi nếu được cả hai bên đồng ý) là các loại hàng hóa được sản xuất hoặc gia công chế biến tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc Bán đảo Triều Tiên. Hiệp định có quy định riêng về xuất xứ và cơ chế tự vệ đối với loại hàng hóa này mà Cụ thể:

Quy định về xuất xứ: Hàng hóa vẫn được xem là có xuất xứ dù được sản xuất hoặc gia công chế biến tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc Bán đảo

²⁸ Sở công thương phú yên, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, [http://socongthuong.phuyen.gov.vn/upload/file/HNKTQT/1_%20THUONG%20MAI%20HANG%20HOA%20\(VKFTA\).pdf](http://socongthuong.phuyen.gov.vn/upload/file/HNKTQT/1_%20THUONG%20MAI%20HANG%20HOA%20(VKFTA).pdf), Truy cập Thứ năm 05/04/2018

Triều Tiên từ nguyên liệu xuất khẩu từ một Bên (Hàn Quốc là chủ yếu), sau đó được tái nhập trở lại Bên đó, với điều kiện tổng giá trị nguyên liệu đầu vào không có xuất xứ không vượt quá 40% trị giá FOB của hàng hóa;

Điều kiện áp dụng: Khi một bên (Việt Nam là chủ yếu) xác định số lượng nhập khẩu các sản phẩm đặc biệt được áp dụng Quy định về xuất xứ ở trên đang tăng lên, theo đó có thể gây ra hoặc đe dọa gây ra tổn thất nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước, thì bên đó được tự do đình chỉ việc áp dụng Quy định xuất xứ đó trong một khoảng thời gian mà bên đó coi là cần thiết để ngăn chặn hoặc đối phó với tổn thất hoặc đe dọa tổn thất đối với ngành sản xuất trong nước.

Chuyển đổi mã HS (2 số, 4 số hoặc 6 số); hoặc trải qua một công đoạn sản xuất hoặc chế biến nhất định. Đối với các hàng hóa thuộc các Chương từ 50 đến 63 trong Hệ thống Hải hòa (HS) không đáp ứng được tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã HS vẫn được coi là có xuất xứ nếu: trọng lượng của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% tổng trọng lượng hàng hóa, hoặc giá trị của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không được vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa.

Cũng giống với các FTA khác, VKFTA cũng cho phép cộng gộp xuất xứ, nghĩa là nguyên liệu dù được sản xuất từ Việt Nam hay Hàn Quốc đều được coi là có xuất xứ trong quá trình tính toán Hàm lượng khu vực (RVC) để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

Tương tự như VKFTA, theo quy định tại Hiệp định EVFTA ngành dệt may nếu muốn được hưởng các ưu đãi về thuế quan trong EVFTA phải đáp ứng tiêu chí xuất xứ hai công đoạn nghĩa là hàng dệt may phải có xuất xứ “từ vải trở đi”. Cụ thể, để sản phẩm dệt may được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì vải sử dụng để tạo thành sản phẩm phải có xuất xứ Việt Nam hoặc EU và việc cắt, may phải được thực hiện tại Việt Nam hoặc EU.

Nhìn chung, quy tắc xuất xứ “từ vải trở đi” vẫn được xem là khó khăn đối với các doanh nghiệp dệt may Việt Nam bởi vì phần lớn các doanh nghiệp chỉ

thực hiện công đoạn cắt-may và nguyên liệu vải được dùng để sản xuất chủ yếu được nhập khẩu từ Đài Loan và Trung Quốc

Tuy nhiên, EVFTA cũng có cam kết linh hoạt về quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm này, cụ thể: Các nhà sản xuất của Việt Nam và EU có thể nhập khẩu vải từ Hàn Quốc mà vẫn đáp ứng được quy tắc xuất xứ vì Hàn Quốc có kí FTA với cả Việt Nam và EU. Vì vậy, mà các doanh nghiệp dệt may có thể tận dụng ngoại lệ về vải có xuất xứ Hàn Quốc để được hưởng ưu đãi thuế quan.

CPTPP được xem là Hiệp định có cam kết về quy tắc xuất xứ chặt chẽ nhất mà Việt Nam từng tham gia. Ngoài những quy định về quy tắc xuất xứ chung giống như trong VKFTA hay EVFTA, CPTPP đưa ra các quy định cụ thể đối với ngành dệt may đó là quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” hay được gọi quy tắc “3 công đoạn”. Nghĩa là, toàn bộ quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may quần áo phải được thực hiện trong nội khu vực các thành viên CPTPP.

Tuy nhiên, Hiệp định cũng quy định một số trường hợp có quy tắc xuất xứ linh hoạt như:

- Ba nhóm hàng may mặc được áp dụng quy tắc xuất xứ “1 công đoạn”, cắt và may gồm: vali, túi xách, áo ngực phụ nữ, quần áo trẻ em bé bằng sợi tổng hợp;
- Danh mục nguồn cung thiếu hụt gồm 194 loại sợi, vải được phép sử dụng từ ngoài khu vực CPTPP, trong đó 186 mặt hàng sẽ được áp dụng vĩnh viễn và 8 mặt hàng chỉ được áp dụng cơ chế này trong 5 năm.²⁹

2.2.2. Tác động từ quy định về thủ tục hành chính

Để được hưởng các ưu đãi thuế quan trong các FTA, các doanh nghiệp cần phải có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa tức là C/O kèm theo thì mới được hưởng ưu đãi, nhưng có vấn đề phát sinh là C/O không thường đi kèm với hàng hóa mà sẽ được gửi bằng giấy theo đường bưu điện, điều đó sẽ làm chậm tiến độ lưu thông hàng hóa làm phát sinh chi phí, tốn nhiều thời gian cho doanh nghiệp.

²⁹ Sở Công Thương Hà Nội (2016), Cẩm nang về các Hiệp định thương mại tự do dành cho doanh nghiệp dệt may, tr. 134, Nxb Công thương, Hà Nội

Để thực thi các cam kết trong FTAs tạo môi trường thương mại thuận lợi, minh bạch, đơn giản và thuận tiện cho doanh nghiệp. Chính phủ đã ban hành nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 để tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong giai đoạn năm 2015-2016. Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng đã ra chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 19/10/2017 về tăng cường thực hiện và khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại đã có hiệu lực nhằm đơn giản hóa thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính, tạo cơ chế một cửa nhằm cải cách công tác cấp các loại giấy phép liên quan cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian cấp giấy phép, giảm chi phí xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng hóa.

Thực hiện nghị quyết 19 của Chính phủ, các Bộ ban ngành đã ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản pháp luật, đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Ngay trong năm 2014, tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử đã tăng từ 65% lên 95%; thời gian nộp thuế của doanh nghiệp giảm được 290 giờ, từ 537 giờ/năm xuống còn 247 giờ/năm.

Tổng cục hải quan cũng đã ban hành quyết định 160/QĐ-TCHQ để đẩy mạnh cải cách hành chính cố gắng hoàn thành thủ tục xuất khẩu xuống còn dưới 10 ngày và thời gian nhập khẩu xuống còn dưới 12 ngày, cùng với việc triển khai cơ chế một cửa và thực hiện hệ thống thông quan hàng hóa tự động (VNACCS/VCIS) qua đó giúp trình tự thủ tục hải quan cơ bản là được tự động hóa trên phạm vi toàn quốc với toàn bộ các cục hải quan và chi cục hải quan, góp

phần đơn giản hóa thủ tục hải quan theo chuẩn mực quốc tế khi thời gian ra quyết định thông quan một lô hàng luồng xanh chỉ từ 1 đến 3 giây.³⁰

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích mà cải cách hành chính mang lại thì khi như thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông cũng đã bộc lộ nhiều bất cập như chỉ mới thực hiện trọng bộ sở ngành, quận huyện chưa tạo được sự kết nối liên thông, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành, các cấp. Các hồ sơ hành chính liên quan đến nhiều nhiều ngành, nhiều đơn vị, các doanh nghiệp phải tự mình liên hệ qua nhiều cửa

2.2.3. Tác động từ quy định về thủ tục hải quan

Những cam kết về thủ tục hải quan và các thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa trong các FTA có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hiệu quả, thuận lợi thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu. Trong các FTA thì cam kết liên quan đến quản lý hải quan chặt chẽ, đòi hỏi về mức độ thực thi cao

Những cam kết về thủ tục hải quan trong VKFTA, EVFTA và CPTPP tương tự nhau, đều quy định nhà xuất khẩu làm thủ tục hải quan trừ hiệp định CPTPP cho phép cả nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất, đều cho phép nhà nhập khẩu được phép giải phóng hàng trước khi có quyết định cuối cùng về thuế và phí hải quan. Ngoài ra, trong EVFTA cũng không yêu cầu bắt buộc phải sử dụng đại lý hải quan hoặc không áp dụng hợp pháp hóa lãnh sự sau 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Thực hiện cam kết trong các FTA, Luật hải quan 2014, nghị định 08/2015/NĐ-CP hay thông tư 38/2015 quy định về thủ tục kê khai hải quan, theo đó doanh nghiệp dệt may muốn làm thủ tục hải quan để xuất khẩu, thì người khai hải quan phải là chủ của hàng hóa.³¹ Theo quy định tại điều 21 Luật hải quan 2014 thì chủ hàng dệt may phải làm hồ sơ hải quan, phải đưa hàng dệt may đến để kiểm tra thực tế và sau đó làm thủ tục nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính cho

³⁰ Bảo Châu-Hải Linh (2016), Cải cách hải quan: Giảm 30% thời gian thông quan hàng hóa, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/nhip-song-tai-chinh/2016-03-11/cai-cach-hai-quan-giam-30-thoi-gian-thong-quan-hang-hoa-29504.aspx> truy cập Thứ ba ngày 20/03/2018

³¹ Chính phủ, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, ngày 21/01/2015, quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát thủ tục hải quan

nhà nước. Hồ sơ hải quan gồm có: Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan; Chứng từ có liên quan như hợp đồng mua bán hàng dệt may, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Hồ sơ hải quan phải nộp chậm nhất là trước 4 giờ khi hàng xuất cảnh. Trong thời hạn chậm nhất là 2 giờ đối với việc kiểm tra hồ sơ và chậm nhất là 8 giờ đối với việc kiểm tra thực tế cơ quan hải quan phải hoàn thành việc kiểm tra sau khi người khai hải quan đã làm đầy đủ các quy định về thủ tục hải quan.

Ngoài ra, cơ quan hải quan cũng cho phép giải phóng hàng hóa xuất khẩu nếu hàng hóa đủ điều kiện để được xuất khẩu nhưng chưa xác định được số thuế chính thức phải nộp; Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.

Những quy định về thủ tục hải quan về cơ bản đã tương thích với quy định trong các FTA, nhưng khi thực thi vẫn còn nhiều vướng mắc, gây khó khăn cho doanh nghiệp như: Thủ tục hải quan đối với hàng mẫu, hàng phi mậu dịch còn rườm rà, không nhanh chóng; hàng phi mậu dịch không được khai điện tử, kiểm tra 100%, gây khó khăn cho doanh nghiệp vì thông thường những lô hàng này yêu cầu thời gian gửi hàng rất gấp, hiện nay sử dụng phương pháp cấp số và phân luồng tự động,

Doanh nghiệp có thể khai báo bất cứ lúc nào không cần đính kèm chứng từ, nhưng sau đó phải mang chứng từ ra Chi cục Hải quan để chờ đợi và xử lý, nên không phát huy được tính ưu việt của khai báo điện tử, mất thời gian ở khâu bổ sung, sửa chữa hồ sơ...

2.2.4. Tác động từ quy định về bảo vệ môi trường

Trong các FTA “thế hệ mới”, vấn đề bảo vệ môi trường rất được các bên quan tâm và quy định trong Hiệp định. Những quy định về môi trường được kí kết trong các FTA với mục đích đảm bảo tự do hóa thương mại sẽ không tác ảnh hưởng đến môi trường, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Những quy định về môi trường trong FTA giữa Việt Nam và EU được kí kết dựa trên cơ sở hợp tác và khuyến khích nhằm mục đích tăng cường bảo vệ

môi trường thông qua việc thực thi có hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường mà không ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa hai bên, giúp tăng nâng cao năng lực giải quyết vấn đề môi trường liên quan đến thương mại, các nghĩa vụ về bảo vệ môi trường như biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, thương mại và lâm nghiệp được xây dựng trong các quy định của pháp luật phải đảm bảo tính công khai, minh bạch.

CPTPP là hiệp định có điều khoản thỏa thuận về môi trường mạnh mẽ nhất từ trước đến nay, các điều khoản trong CPTPP yêu cầu các bên phải tuân thủ những quy định về môi trường trong các thỏa thuận quốc tế và dùng những thỏa thuận này để giải quyết tranh chấp, CPTPP đã đưa ra các quy định về chống ô nhiễm không khí bảo vệ tầng ozone, bảo vệ môi trường biển khỏi ô nhiễm từ tàu biển, bảo tồn và đa dạng sinh học, nghĩa vụ của các nước thành viên về xử lý mua bán động thực vật hoang dã bất hợp pháp, và trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường.

Nhận thấy được tầm quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, cũng như phát triển kinh tế bền vững luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, Nhà nước đã xây dựng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như Luật bảo vệ môi trường 2010, tăng cường kí kết các hiệp định đa phương, song phương và khu vực về bảo vệ môi trường như hiệp định MEA, công ước khung của Liên Hợp Quốc về thay đổi khí hậu (UNFCCC), Công ước về Đa dạng sinh thái (CBD)...

Đối với ngành dệt may, tác động chủ yếu liên quan đến môi trường là ô nhiễm đất và nước do các tạp chất do quá trình dệt. Do đó, Luật bảo vệ môi trường đã áp dụng các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định về quản lý nước thải và chất thải rắn, các quy định đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, các biện pháp để cải thiện, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường cũng như các quy định liên quan đến thanh tra, tố cáo, xử lý những hành vi vi phạm.

Các doanh nghiệp dệt may phải tích cực thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, áp dụng khoa học công nghệ, máy móc đảm bảo chất lượng và thân thiện

với môi trường, phải xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật trong xử lý và quản lý chất thải nước, chất thải rắn.

2.2.5. Tác động từ quy định về chính sách cạnh tranh

Trong xu thế tự do hóa thương mại như hiện nay, các hàng rào thuế quan sẽ bị gỡ bỏ, thì việc làm thế nào để duy trì một môi trường kinh doanh trong sạch, bình đẳng và minh bạch là hết sức quan trọng. Trong các hiệp định FTA như VKFTA, EVFTA hay CPTPP đều đưa ra các quy định về chính sách cạnh tranh nhằm mục đích tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

Trong VKFTA, EVFTA hay CPTPP đều yêu cầu các nước thành viên duy trì và thi hành quy định về pháp luật cạnh tranh nhằm đảm bảo cho các lợi ích tự do hóa thương mại và đầu tư, cấm các hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh xuyên biên giới và yêu cầu các quốc gia thành viên phải duy trì các quy định, biện pháp chống hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh dựa trên nguyên tắc minh bạch, công bằng trong thủ tục tố tụng và không phân biệt đối xử. Theo đó, doanh nghiệp vi phạm chỉ bị xử lý khi có hành vi vi phạm và bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, chứng minh được hành vi đó vi phạm pháp luật cạnh tranh, bên cạnh đó quyết định xử lý vi phạm phải bằng văn bản.

Các quy định về chính sách cạnh tranh trong FTA sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý về cạnh tranh tại Việt Nam. Từ đó, thu hút thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh doanh tại Việt Nam khi môi trường kinh doanh được đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và không phân biệt đối xử; Nâng cao nhận thức về cạnh tranh lành mạnh và có ý thức tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Tạo điều kiện nâng cao trình độ và năng lực của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh của Việt Nam thông qua các cơ chế về hợp tác, trao đổi thông tin, tham vấn về những vấn đề liên quan đến cạnh tranh giữa các nước thành viên trong quá trình thực thi cam kết.

Về cơ bản, thì những quy định về cạnh tranh trong các FTA tương thích với các quy định trong luật cạnh tranh 2004 và các nghị định hướng dẫn thi hành luật cạnh tranh như nghị định 116/2005/NĐ-CP, nghị định 71/2014/NĐ-CP về xử lý vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh, quy định về trình tự thủ tục điều tra, xử lý các vụ việc cạnh tranh, cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc cạnh tranh.

Tuy nhiên, thực tế việc thực thi các nguyên tắc này ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm và một số quy định về cạnh tranh vẫn chưa tương thích với quy định trong CPTPP như:

Quy định tại Điều 16.1 của CPTPP, phạm vi điều chỉnh của Luật cạnh tranh được các quốc gia áp dụng vào tất cả các hoạt động thương mại của chính mình. Tuy nhiên, một quốc gia thành viên có thể áp dụng Luật cạnh tranh của mình để điều chỉnh các hoạt động thương mại diễn ra bên ngoài lãnh thổ của mình nơi có những ảnh hưởng chống cạnh tranh. Nhưng theo quy định của Luật Cạnh tranh 2004, phạm vi điều chỉnh của Luật cạnh tranh chỉ áp dụng cho các đối tượng là doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề hoạt động tại Việt Nam. Do vậy, nếu có hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài mà gây thiệt hại cho các doanh nghiệp, người tiêu dùng hoặc nhà nước Việt Nam thì chúng ta không thể áp dụng luật cạnh tranh để giải quyết theo tinh thần của Hiệp định CPTPP

Về cơ quan thực thi cạnh tranh, theo quy định trong CPTPP, mỗi quốc gia thành viên sẽ duy trì một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm thực thi luật cạnh tranh trên nguyên tắc không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp quốc gia. Nhưng trên thực tế thì ở Việt Nam chỉ có Bộ Công Thương là cơ quan thực thi về pháp luật cạnh tranh (điều tra, xử lý vi phạm). Trong khi đó hàng loạt doanh nghiệp được xem là độc quyền như: Tập đoàn điện lực, thống lĩnh thị trường xăng dầu (Petrolimex) thì lại thuộc sự quản lý của Bộ công Thương nên khi doanh nghiệp vi phạm sẽ rất khó để bị xử lý công bằng

Về bảo vệ người tiêu dùng, phạm vi của bảo vệ người tiêu dùng trong CPTPP là người tiêu dùng của các quốc gia thành viên CPTPP. Các quốc gia thành viên phải thông qua hoặc duy trì luật bảo vệ khách hàng hoặc các luật khác

hoặc những qui định về các hoạt động thương mại gian dối. Nhưng theo quy định của Luật bảo vệ người tiêu dùng 2010, thì pháp luật chỉ điều chỉnh các quan hệ bảo vệ NTD trên lãnh thổ Việt Nam, những trùng hợp người tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam cần được bảo vệ thì pháp luật Việt Nam chưa điều chỉnh.

2.3. Tác động của các Hiệp định thương mại tự do đối với ngành xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế

Với mục tiêu đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành trung tâm dệt may của miền Trung, tỉnh đã tập trung phát triển tối đa thị trường nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu, lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho sự phát triển của ngành. Cùng với đó là đẩy mạnh khâu nghiên cứu và thiết kế sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm.

Bảng 2.6. Tổng quan về các doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế tính đến năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Số lượng công ty	Công ty	67
2	Cơ cấu công ty theo hình thức sở hữu		FDI có 6 công ty (8,96%), Nhà nước có 2 công ty (2,98%), Tư nhân có 59 công ty (88,06%)
3	Cơ cấu hoạt động		May mặc có 31 công ty (46,28%), Sợi có 12 công ty (17,91%), công nghiệp phụ trợ có 24 công ty (35,81%)
4	Số lượng lao động	Người	29.271 nghìn
5	Thu nhập bình quân	VND	5.3 triệu
6	Số ngày làm việc/tuần	Ngày	6
7	Giá trị xuất khẩu	USD	443.040.8 nghìn
8	Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu		Áo jacket, áo thun, quần, áo sơ mi
9	Thị trường xuất khẩu chính	Nước	Mỹ, Pháp, Anh, Nhật Bản

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế)

Dệt may là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Thừa Thiên Huế khi kim ngạch xuất khẩu chiếm tới gần 70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh tính đến năm 2016, giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho hơn 29.000 lao động, với các thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản. Kết quả đạt được này, bên cạnh sự nỗ lực của các doanh nghiệp Dệt may, nhưng một tác động không thể không nói tới đó là chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam thời gian qua, mà biểu hiện cụ thể nhất là việc tham gia ngày càng nhiều vào FTAs như CPTPP, VKFTA, v.v, điều này đã mở ra nhiều cơ hội xuất khẩu cho ngành Dệt may cả nước nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, những tác động đó được thể hiện bằng những nội dung cụ thể sau:

2.3.1. Những tác động tích cực mang lại cho ngành xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi FTAs

Hội nhập kinh tế quốc tế có tác động tích cực đến sự phát triển về kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế, giúp các doanh nghiệp tìm kiếm và mở rộng được thị trường xuất khẩu, tăng khả năng tiêu hàng hóa, với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như hàng dệt may, hàng thủy sản thực phẩm chế biến khác, hàng thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm bằng gỗ...trong đó hàng dệt may là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất³². Giúp thu hút được vốn đầu tư trực tiếp (FDI) từ nước ngoài từ đó có thể mở rộng quy mô sản xuất, tăng cường công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, trang bị trang thiết bị máy móc hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tạo công ăn việc từ đó giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, cụ thể:

Thứ nhất, tham gia FTAs giúp ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế tăng trưởng xuất khẩu

Tự do hóa thương mại thông qua việc thực hiện các cam kết, các thỏa thuận trong các hiệp định VKFTA, EVFTA hay CPTPP đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành dệt may, giúp các doanh nghiệp dệt may mở rộng, tìm kiếm thị

³² Sở công thương tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo mặt hàng và chi tiết theo nước

trường tiêu thụ sản phẩm, các hàng rào thuế quan đối với ngành dệt may sẽ về 0% tùy theo từng hiệp định mà sẽ có lộ trình khác nhau đã làm tăng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may.

Hội nhập kinh tế, tham gia FTAs giúp cho thuế quan đối với ngành dệt may giảm về 0%, mở ra thị trường xuất khẩu và đối tác nước ngoài cho các doanh nghiệp dệt may sẽ lớn hơn, với các thị trường tiêu thụ hàng dệt may lớn như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Cùng với đó là việc UBND tỉnh triển khai thực hiện cơ chế một cửa, giảm các thủ tục hành chính tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp diễn ra nhanh chóng, hiệu quả. Từ đó, giúp cho kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế tăng lên nhanh chóng, giá trị xuất khẩu hàng dệt may năm 2010 chỉ đạt 143.169 nghìn USD nhưng đến năm 2016 đã đạt 443.040.8 nghìn USD chiếm gần 70% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Thừa Thiên Huế³³.

Thứ hai, tham gia FTAs giúp tạo việc làm, giải quyết vấn đề lao động trên địa bàn Tỉnh

Hội nhập kinh tế sẽ tác động tích cực đến sự hợp tác giữa các quốc gia, giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng quy mô sản xuất cho các doanh nghiệp, tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Khi thực hiện quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, thực hiện chính sách nông thôn mới sẽ có một lượng lớn lao động nông nghiệp, thanh niên nông thôn nhàn rỗi, thiếu việc làm tham gia vào hoạt động sản xuất từ đó góp phần tạo thêm thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động. Mặt khác, khi hội nhập kinh tế những thành tựu khoa học sẽ được áp dụng vào trong quá trình sản xuất giúp người lao động có thể tiếp thu khoa học công nghệ, nâng cao tay nghề của mình.

Trong giai đoạn từ năm 2011-2015, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 83.105 lao động (bình quân 16.621 lao động/năm). Tỷ lệ thất nghiệp khu vực

³³ Số công thương tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), giá trị hàng hóa xuất khẩu phân theo mặt hàng và chi tiết nước

thành thị giảm từ 5,1% năm 2010 xuống còn 2,36% năm 2015.³⁴ Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề chiếm 56%, tạo việc làm mới cho 16 nghìn người.³⁵ Trong đó, ngành dệt may đã giải quyết việc làm cho 26.672 lao động tăng 12.095 lao động so với năm 2010.

Hội nhập kinh tế không những mang lại những hiệu quả kinh tế cho hoạt động thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp mà còn góp phần phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

Thứ ba, tham gia FTAs tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài để cơ cấu lại ngành dệt may trên địa bàn Tỉnh

Để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng quy mô sản xuất nâng cao chất lượng cạnh tranh thì vốn đầu tư là vấn đề không thể thiếu, nếu không có vốn thì không thể thực hiện hoạt động kinh doanh, không thể mở rộng quy mô doanh nghiệp cũng như đầu tư trang thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất. Khi hội nhập kinh tế, bên cạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, thì cơ hội nhận được vốn đầu tư từ nước ngoài là rất lớn.

Trong thời gian vừa qua tỉnh Thừa Thiên Huế đã thu hút được rất lớn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài mà đặc biệt là đối với ngành dệt may, có rất nhiều công ty dệt may có vốn FDI như: công ty trách nhiệm hữu hạn Hanesbrands Việt Nam Huế, công ty cổ phần dệt may Huế, công ty Scavi Huế... Tính đến năm 2016 vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào ngành dệt may tỉnh gần 200 triệu đô la Mỹ.³⁶ Với mức vốn đầu tư lớn đã giúp các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh mở rộng quy mô sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất, đầu tư đa dạng hóa mẫu mã các sản phẩm để thu hút khách hàng, mở rộng thị trường, nhập khẩu các nguyên phụ liệu để phục vụ hoạt

³⁴Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế (2017), tình hình kinh tế-xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017, <https://www.thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Tin-tuc-su-kien/tid/Tap-trung-giai-quyet-cac-van-de-ve-lao-dong-viec-lam/newsid/87969C01-1B3A-472E-9625-A7AF010D159A/cid/2BEA0540-FCA4-4F81-99F2-6E8848DC5F2F>. truy cập ngày 24/3/2018

³⁵Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội chủ yếu đạt được trong giai đoạn năm 2011-2015, <https://www.thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-kinh-te-xa-hoi/tid/Giai-doan-2011-2015/cid/99D35E99-9258-4CA9-8955-A720008B29A2>.

³⁶ Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), số liệu ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế

động sản xuất... từ đó tăng kim ngạch xuất khẩu cho ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế.

***Thứ tư,** tham gia FTAs thúc đẩy cải cách thể chế tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch giữa các doanh nghiệp với nhau*

Hội nhập kinh tế bên cạnh việc mang lại lợi ích tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phát triển kinh tế-xã hội còn góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tạo môi trường kinh doanh công bằng, bình đẳng và minh bạch.

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư để phát triển kinh tế-xã hội, cũng như thực hiện chủ trương của chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành cải cách các thủ tục hành chính, xây dựng các quy trình giải quyết công việc, thời gian tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế “một cửa” để rút ngắn thời gian. Bên cạnh cơ chế “một cửa” tỉnh còn thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, khắc dấu (liên thông giữa Công an tỉnh, Cục thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư); quy trình giải quyết thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư (liên thông giữa UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở ngành), ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi, giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân giúp tạo môi trường đầu tư thông thoáng, công bằng và minh bạch đem lại hiệu quả cao cho việc phát triển kinh tế - xã hội

***Thứ năm,** tham gia FTAs giúp bảo vệ môi trường tốt hơn*

Các chính sách thương mại, nguồn tài nguyên thiên và môi trường có mối quan hệ tác động, hỗ trợ lẫn nhau, một nền kinh tế phát triển bền vững là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, khai thác, sử dụng và có chính sách xây dựng phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Hiện nay, trong xu thế toàn cầu hóa, tự do thương mại, vấn đề bảo vệ môi trường đặc biệt được các nước quan tâm ngay trong các hiệp định FTA.

Nhận thấy được tầm quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, ngày 18/01/2018, UBND tỉnh có Công văn số 423/UBND-TN chỉ đạo Sở Tài nguyên

và Môi trường, Công an tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố nâng cao trách nhiệm và thực hiện cơ chế phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, kiểm soát chặt chẽ các hồ sơ về đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược của doanh nghiệp. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các quy trình về xây dựng, quản lý và xử lý chất thải rắn, nước thải công nghiệp trong quá trình sản xuất, bảo vệ đa dạng sinh học rừng, đầm phá và nguồn sinh vật biển, thực hiện hoạt động quy hoạch phân vùng sử dụng đất các bãi biển, các khu vui chơi...

2.3.2. Những thách thức đặt ra đối ngành xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi Việt Nam thực thi FTAs

Khi tham gia FTAs, cùng với những lợi ích mà nó mang lại thì những khó khăn, thách thức đối với các doanh nghiệp cả nước nói chung và các doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng cũng không nhỏ, các doanh nghiệp gặp phải sức ép cạnh tranh rất lớn do mở cửa thị trường, phải đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ, các chính sách về cạnh tranh và bảo vệ môi trường, nguồn nhân lực, nguồn vốn hay trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất trong nước vẫn còn bị hạn chế.

2.3.2.1. Những thách thức đặt ra từ năng lực của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, từ số lượng doanh nghiệp, quy mô lao động. Tính đến năm 2016, toàn tỉnh có 67 doanh nghiệp dệt may đang hoạt động với số lao động 29.271 lao động, quy mô hoạt động của doanh nghiệp không lớn, số doanh nghiệp có quy mô lao động từ 300 lao động trở lên chỉ có 15 doanh nghiệp, chỉ có 12 doanh nghiệp có quy mô từ 200 đến 299 lao động và có đến 40 doanh nghiệp có số lao động dưới 100 lao động.³⁷ Số lượng lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, ít lao động như: công ty trách nhiệm hữu hạn dệt thương mại Phát Thịnh chỉ có 7 lao động, công ty cổ phần may xuất khẩu Huy Long chỉ có 35 lao động... đã tạo ra

³⁷ Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), Số liệu ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế

rào cản rất lớn cho ngành dệt may tỉnh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, với quy mô nhỏ, sản xuất chủ yếu là gia công làm cho các doanh nghiệp khó có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp dệt may lớn trong cả nước và các doanh nghiệp nước ngoài, lực lượng lao động làm việc trong ngành dệt may chủ yếu là lao động phổ thông, nguồn lao động chất lượng cao rất ít, việc áp dụng máy móc thiết bị vào hoạt động sản xuất để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm khó thực hiện, năng lực lập kế hoạch dài hạn, giao dịch quốc tế, đáp ứng quy trình xuất khẩu và khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh còn rất hạn chế, từ đó gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường mới, tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước.

Thứ hai, từ nguồn vốn của doanh nghiệp. Nguồn vốn là yếu tố mang ý nghĩa sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp dệt may, không có vốn doanh nghiệp dệt may không thể mở rộng quy mô sản xuất, không thể áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất làm cho năng suất sản xuất, năng lực cạnh tranh thấp, khó đáp ứng các yêu cầu về chất lượng sản phẩm để xuất khẩu.

Tính đến năm 2016, toàn tỉnh chỉ có 21 doanh nghiệp dệt may hoạt động có vốn từ 50 tỷ đồng trở lên, doanh nghiệp hoạt động sản xuất trang phục có vốn từ 10 đến 50 tỷ chỉ có 4 doanh nghiệp, doanh nghiệp dệt may có vốn từ 1 đến 5 tỷ chiếm số lượng lớn với 42 doanh nghiệp.³⁸ Có nhiều doanh nghiệp hoạt động với nguồn vốn rất ít như: doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Nguyên Nhi với mức vốn 315 triệu đồng, công ty cổ phần may xuất khẩu Huy Long chỉ có 765 triệu đồng hay công ty trách nhiệm hữu hạn may mặc Đại Kim chỉ 153 triệu đồng... với nguồn vốn hoạt động sản xuất thấp nên đã gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất bởi vì các nguyên liệu đầu vào của ngành dệt may chủ yếu là phải nhập khẩu từ nước ngoài, thiếu nguyên liệu sản xuất cùng với việc sản xuất chủ yếu là gia công nên năng suất sản xuất, chất lượng sản phẩm thấp, không thu hút được khách hàng để tiêu thụ

³⁸ Cục thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), Số liệu ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế

sản phẩm. Bên cạnh đó, với nguồn vốn ít, quy mô doanh nghiệp nhỏ nên khó khăn trong việc áp dụng máy móc, công nghệ hiện đại cho hoạt động sản xuất, khó trong việc xúc tiến tiềm kiếm thị trường và cạnh tranh với những doanh nghiệp dệt may khác trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài trong thời kỳ tự do hóa thương mại như hiện nay.

Thứ ba, từ chất lượng lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập, lực lượng lao động có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp và đối với nền kinh tế, nếu lực lượng lao động của doanh nghiệp được đào tạo, lành nghề, giàu kỹ năng, khéo léo, thông minh, sáng tạo, có tính chuyên nghiệp và tay nghề cao thì sẽ giúp nâng cao chất lượng sản xuất, chất lượng cạnh tranh của doanh nghiệp và ngược lại thì khiến cho các doanh nghiệp khó có thể phát triển trong nền kinh tế thị trường.

Tính đến năm 2016 thì toàn tỉnh số lao động được đào tạo nghề chỉ chiếm 58%.³⁹ lực lượng lao động trong các doanh nghiệp dệt may chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề, thiếu kỹ năng làm việc nhóm, tác phong thiếu chuyên nghiệp, văn hóa doanh nghiệp và trình độ hiểu biết về pháp luật quốc tế cũng như ngoại ngữ còn hạn chế, có rất ít lao động có thể làm chủ được công nghệ làm cho năng suất lao động của doanh nghiệp thấp, khó có thể cạnh tranh với những doanh nghiệp nước ngoài trong thời kỳ hội nhập, mở cửa.

Thứ tư, từ khoa học kỹ thuật công nghệ. Trước đây sự phát triển của mỗi quốc gia phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhưng hiện nay quan điểm đó đã dần thay đổi giờ đây một nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững phụ thuộc vào ba yếu tố cơ bản đó là: áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tự do hóa thương mại đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có nhập khẩu các trang thiết bị máy móc hiện đại để áp dụng vào hoạt động sản

³⁹ Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đạt được trong năm 2016, <https://www.thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-kinh-te-xa-hoi/tid/Nam-2016/cid/AECC8DD4-081E-42F7-BC34-A56E00B8BC95>. truy cập Chủ nhật ngày 25/3/2018

xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh. Nhưng để áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất thì doanh nghiệp cần một nguồn vốn không nhỏ, quy mô doanh nghiệp phải lớn và lực lượng lao động phải có trình độ, chất lượng để có thể áp dụng, vận hành những máy móc đó, điều này đã gây ra những thách thức, khó khăn cho các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, với số lượng doanh nghiệp dệt may ít chỉ có 67 doanh nghiệp, quy mô sản xuất của doanh nghiệp còn nhỏ, số lượng doanh nghiệp dệt may có vốn đầu tư từ 1 đến 5 tỷ chiếm hơn 50% số lượng doanh nghiệp tính đến năm 2016 và lực lượng lao động đã qua đào tạo nghề chỉ chiếm 58% thì sẽ rất khó để các doanh nghiệp dệt may áp dụng trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, làm cho doanh nghiệp không thể cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp nước ngoài.

2.3.2.2. Thách thức đặt ra từ các cam kết pháp lý trong FTAs mà Việt Nam ký kết.

Tự do hóa thương mại, tham gia các FTA đã mang lại cho Việt Nam và doanh nghiệp dệt may những lợi ích, cơ hội rất lớn về thuế quan, thị trường, kim ngạch xuất nhập khẩu, song song với đó là những khó khăn, thách thức, ngoài những khó khăn do chính bản thân doanh nghiệp còn có những thách thức rất lớn đến từ chính những cam kết, những thỏa thuận của hiệp định mà trong quá trình thực thi những cam kết đó doanh nghiệp dệt may không đáp ứng được thì sẽ gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Thứ nhất, thách thức từ các quy định về quy tắc xuất xứ. Quy tắc xuất xứ là điều kiện tiên quyết quyết định hàng dệt may Việt Nam có được hưởng ưu đãi thuế quan mà các thành viên giành cho trong các FTA hay không, tùy từng FTA mà sẽ có những quy định về quy tắc xuất xứ khác nhau Trong VKFTA thì yêu cầu hàng dệt may phải được sản xuất hoàn toàn từ Việt Nam hoặc Hàn Quốc hay phải đạt hàm lượng khu vực thường là trên 40%, ngoài ra cũng chấp nhận quy định về cộng dồn xuất xứ nghĩa là nguyên liệu sản xuất phải có xuất xứ từ Việt

Nam hay Hàn Quốc thì mới được coi là có xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan.

Tương tự như VKFTA, trong EVFTA quy định về quy tắc xuất xứ đối với ngành dệt may là quy tắc từ vải trở đi nghĩa là vải sử dụng để cắt may phải có xuất xứ từ Việt Nam hoặc EU. Ngoài ra EVFTA cũng chấp nhận vải có xuất xứ từ Hàn Quốc vì đã có FTA với cả Việt Nam và EU. Cũng giống như EVFTA nhưng CPTPP quy định về quy tắc xuất xứ của hàng dệt may chặt chẽ hơn là quy tắc từ sợi trở đi điều đó có nghĩa là toàn bộ quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may quần áo phải được thực hiện trong các nước thành viên CPTPP.

Những quy định về quy tắc xuất xứ trong cả ba hiệp định VKFTA, EVFTA, CPTPP đã gây ra những thách thức rất lớn cho ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế bởi vì các nguyên phụ liệu cho sản xuất hàng dệt may chủ yếu là nhập khẩu từ những nước không phải là thành viên trong hiệp định, có đến 80% nguyên phụ liệu ngành dệt may phải nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc và Đài Loan. Theo báo cáo từ Sở công thương tỉnh Thừa Thiên Huế, 11 tháng đầu năm 2015 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 472 triệu đô la Mỹ nhưng các doanh nghiệp phải nhập khẩu 312 triệu đô la Mỹ nguyên phụ liệu sản xuất.⁴⁰ Với mức nhập khẩu gần 80% nguyên phụ liệu sản xuất từ Trung Quốc và Đài Loan ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khó có thể đáp ứng được tiêu chí quy tắc xuất xứ trong các FTA, FTAs để được hưởng các ưu thuế quan.

Vì vậy mà để được hưởng ưu đãi thuế quan từ các FTA mang lại, ngành dệt may phải có sự chuẩn bị, hạn chế nhập khẩu nguyên phụ liệu từ các thị trường Trung Quốc và Đài Loan.

Thứ hai, thách thức từ các cam kết về thủ tục hành chính. Nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành quyết định Số: 639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 về kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu đẩy mạnh cải cách thủ tục hành

⁴⁰ Thanh Hương (2015), cơ hội song hành cùng thách thức, <http://baothuathienhue.vn/co-hoi-song-hanh-cung-thach-thuc-a17240.html>. truy cập Chủ nhật ngày 25/3/2018

chính nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; xây dựng triển khai đồng bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông để giải quyết các thủ tục hành chính liên thông; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong quá trình cải cách thủ tục hành chính thì vẫn còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện, trong công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính có lúc có nơi còn chưa quyết liệt, vẫn còn thủ tục hành chính không hợp lý, phức tạp, gây phiền hà và tính công khai minh bạch một số nơi còn hạn chế. Cách thức, nề nếp làm việc của một số cơ quan chưa đáp ứng yêu cầu về tính chuyên nghiệp, hiện đại, đặc biệt là sự phối hợp giữa các cơ quan hành chính Nhà nước trong quá trình giải quyết công việc còn bất cập. Một số lãnh đạo cơ quan, địa phương quan tâm chưa đúng mức đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, thái độ giao tiếp, ứng xử của một số bộ phận cán bộ công chức chưa làm hài lòng người dân.

Thứ ba, thách thức từ các cam kết về thủ tục hải quan. Bên cạnh những lợi ích đạt được vẫn còn những hạn chế, vướng mắc về thủ tục Hải quan làm cho các doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động xuất khẩu như: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện về cải cách thủ tục Hải quan tại một số nơi còn chưa quyết liệt, một bộ phận cán bộ công chức Hải quan chưa được đào tạo nghiệp vụ Hải quan chuyên sâu đáp ứng với yêu cầu cải cách thủ tục Hải quan, một số doanh nghiệp có mục đích bất chính đã lợi dụng môi trường làm việc thông thoáng trong cải cách thủ tục Hải quan để buôn lậu, gian lận thương mại, cơ quan hải quan giải quyết thủ tục hải quan cho nhiều loại hàng hóa khác nhau nên sẽ có nhiều có nhiều văn bản chuyên ngành điều chỉnh gây ra những khăn cơ quan hải quan.

Thứ tư, thách thức từ các cam kết về bảo vệ môi trường. Trong những năm gần đây, khi mà việc tham gia các FTA có xu hướng tăng nhanh, các vấn đề môi trường được quan tâm nên có xu hướng đưa các quy định về bảo vệ môi trường hay phát triển bền vững vào nội dung của các FTA mà đặc biệt là các FTA thế hệ

mới. Với mục đích là việc phát triển thương mại phải đi cùng với hoạt động bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Những cam kết về môi trường hay sự phát triển bền vững có yêu cầu và tiêu chuẩn cao trong các FTA thế hệ mới thể hiện qua mức độ cam kết và các nghĩa vụ giữa các bên thậm chí còn sử dụng cả cơ chế giải quyết tranh chấp.

Nghĩa vụ khi thực hiện những cam kết về bảo vệ môi trường trong các FTA đã trở thành rào cản lớn đối với các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, các doanh nghiệp dệt may với quy mô nhỏ, vốn đầu tư ít nên gặp khó khăn trong việc xây dựng, xử lý và quản lý nguồn chất thải đáp ứng tiêu chuẩn ra môi trường bởi vì giá thành cho việc áp dụng máy móc trang thiết bị để xây dựng quy trình xử lý chất thải thì không nhỏ, việc sản xuất áp dụng trang thiết bị lạc hậu ít thân thiện với môi trường, hóa chất độc hại từ hoạt động nhuộm ảnh hưởng đến môi trường, trách nhiệm, ý thức và năng lực bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp dệt may còn kém. Nhiều nhà máy sẵn sàng thải chất thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường như: vụ việc công ty cổ phần dệt may Huế thải nước thải ra ngoài môi trường, khiến mùi hôi thối bốc lên nồng nặc và nhiều giếng nước bị ô nhiễm hay Công ty cổ phần đầu tư dệt may Thiên An Phát hoạt động liên tục với công suất lớn, có đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nhưng lại cho xả nước thải chưa qua xử lý theo mương nước phía sau công ty rồi chảy ra môi trường xung quanh... Cùng với đó là công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vấn đề bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền chưa chặt chẽ.

Thứ năm, thách thức từ chính sách cạnh tranh.

Môi trường kinh doanh thương mại minh bạch, công bằng là một trong những yếu tố giúp nền kinh tế phát triển. Trong những năm gần đây, chính sách cạnh tranh luôn được xem là nội dung quan trọng và được đề cập trong những FTA thế hệ mới, mỗi FTA sẽ có mức độ cam kết và nghĩa vụ thực thi khác nhau nhưng đều hướng đến mục đích đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng trong sạch trong khu vực tự do thương mại, không phân biệt đối xử, quy trình tố tụng

minh bạch trong quá trình thực thi luật cạnh tranh, có sự phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan thực thi

Bên cạnh mục đích tạo môi trường kinh doanh công bằng, bình đẳng thì những nghĩa vụ khi thực thi những cam kết trong các FTA thế hệ mới đã trở thành thách thức, rào cản đối với các doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế, xuất phát từ việc quy mô doanh nghiệp nhỏ, vốn đầu tư ít, năng lực hiểu biết pháp luật của doanh nghiệp còn kém, năng lực cạnh tranh yếu, không nhận được sự bảo hộ của cơ quan nhà nước mà phải cạnh tranh trực tiếp với doanh nghiệp nước ngoài ngay thị trường trong nước.

Kết luận chương 2

Quá trình làm rõ những nội dung tại Chương 2, nhóm nghiên cứu đã đạt được những kết quả nghiên cứu sau:

(i) Khái quát được một số các quy định của FTAs mà Việt Nam ký kết có tác động đến ngành Dệt may;

(ii) Chỉ rõ những tác động của FTAs đối với ngành Dệt may cả nước, đặc biệt là ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể các tác động từ các quy định rào cản về thủ tục hải quan; các rào cản về thủ tục hành chính; các rào cản về chính sách cạnh tranh; các rào cản về môi trường, v.v.

Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở lý luận để nhóm tác giả tiếp tục đề xuất các giải pháp ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XUẤT KHẨU CỦA NGÀNH DỆT MAY Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHI THAM GIA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

3.1. Định hướng cho việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu của ngành Dệt may khi thực thi các cam kết trong FTAs

Thứ nhất, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước là những nguyên tắc, những khung pháp lý chung bắt buộc tất cả các thành phần kinh tế, kinh doanh bất cứ hàng hóa dịch vụ nào cũng phải phù hợp và tuân theo. Vì vậy, liên quan đến lĩnh vực xuất khẩu Dệt may, các giải pháp đề xuất trước hết phải tuân thủ chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và được biểu hiện cụ thể trong Hiến pháp 2013 và các văn bản pháp luật liên quan.

Thứ hai, phù hợp với đặc điểm về kinh tế, xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặc điểm về kinh tế, xã hội của địa phương là yếu tố môi trường kinh doanh quan trọng tác động tới các giải pháp của hoạt động trong các doanh nghiệp Dệt may trên địa phương đó. Tuy theo từng thời kỳ cụ thể, mà chính quyền địa phương có các chính sách vĩ mô phù hợp để tạo điều kiện cho sự phát triển của doanh nghiệp trên địa bàn. Hơn nữa, đặc điểm về trình độ lao động, về phong tục tập quán, về lề lối làm việc cũng tác động tới hoạt động của nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp tại địa bàn. Chính vì thế, các giải pháp đề xuất cần dựa vào từng giai đoạn phát triển kinh tế cụ thể của địa phương, cũng như trình độ nguồn lao động, phong tục tập quán để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp.

Thứ ba, phù hợp với những cam kết trong FTAs mà Việt Nam là thành viên. Cam kết của Việt Nam trong FTAs đối với hoạt động xuất khẩu của ngành Dệt may là những khía cạnh pháp lý ràng buộc các doanh nghiệp Dệt may trong đó có doanh nghiệp Dệt may Việt Nam phải tuân theo. Do đó, những giải pháp đề xuất cũng như thực thi các giải pháp đó vào thực tiễn phải phù hợp với những cam kết mà Việt Nam đã thỏa thuận trong FTAs. Những cam kết cần phải chú ý

và tuân thủ mà các FTAs thường xuyên đề cập đó chính là những cam kết về cắt giảm thuế quan; cam kết về xóa bỏ hàng rào các thủ tục hành chính; các cam kết về bảo vệ môi trường, v.v.

Thứ tư, các giải pháp phải đảm bảo tính cụ thể, phù hợp với điều kiện, tình hình của doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Mỗi doanh nghiệp Dệt may có những đặc điểm không giống nhau về quy mô, về năng lực về lịch sử phát triển về định hướng chiến lược, chưa kể tới tồn tại ở trên những địa phương khác nhau có những thuận lợi và khó khăn khác nhau. Do đó, việc đề xuất các giải pháp phải dựa vào đặc điểm, năng lực của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh; dựa vào nhu cầu, những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải khi thực thi các cam kết trong FTAs, điều này giúp các giải pháp đề xuất đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và gắn cụ thể với từng doanh nghiệp, với địa phương.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu của ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi cam kết trong FTAs

Việt Nam ngày càng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng nên trong thời gian tới sẽ tham gia đàm phán, kí kết, tham gia nhiều Hiệp định FTAs nên sẽ làm tăng thêm nhiều nghĩa vụ của Việt Nam về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, chính sách cạnh tranh, những vấn đề liên quan đến lao động và môi trường... Đồng thời, để tiếp tục thực hiện các cam kết trong các FTA, FTAs mà Việt Nam đã ký trước đó chúng ta phải tiếp tục giảm thuế quan, thực hiện các chính sách, quy định phù hợp với những cam kết trong các FTA, FTAs. Vì vậy, cần phải tập trung vào những giải pháp cụ thể để thực thi hoàn thiện các cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do.

3.2.1. Đề xuất các giải pháp chung cho hoạt động xuất khẩu của ngành Dệt may cả nước

3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật

FTAs mà Việt Nam đã tham gia ký kết có phạm vi cam kết rất rộng, không những bao trùm các lĩnh vực thương mại truyền thống (thương mại, dịch vụ...)

mà còn có lĩnh vực thương mại phi truyền thống (mua sắm công, doanh nghiệp nhà nước...), với mức độ cam kết rộng như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thể chế pháp luật và nền kinh tế của Việt Nam trong thời gian sắp đến. Với những nghĩa vụ đã cam kết trong các FTAs bắt buộc Việt Nam phải sửa đổi các quy định của pháp luật trong nước nhằm đảm bảo tuân thủ và thực thi nghiêm túc các cam kết đó. Vì vậy, cần phải rà soát, kiểm tra lại tất cả các quy định của pháp luật trong nước để đảm bảo sự tương thích với những nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các FTAs.

Cam kết trong các FTAs không chỉ hướng đến sự tự do hóa thương mại sâu rộng mà còn nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường hướng tới sự phát triển bền vững, việc thực thi các nghĩa vụ đã cam kết về bảo vệ môi trường trong FTAs đã gây ra khó khăn cho Việt Nam trong quá trình thực thi mặc dù chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, quy định pháp luật về môi trường, song khuôn khổ pháp lý cho lĩnh vực môi trường còn chưa đầy đủ và thậm chí còn chòng chẹo trong một số lĩnh vực. Vì vậy cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về môi trường để đảm bảo sự tương thích và thực thi có hiệu quả các nghĩa vụ đã cam kết trong FTAs, cụ thể:

Thứ nhất, đối với pháp luật Hải quan: Các quy định trong pháp luật Hải quan về cơ bản đã tương thích các cam kết về Hải quan và tạo thương mại trong VKFTA, EVFTA và CPTPP. Tuy nhiên, vẫn có điểm vẫn chưa tương thích với 1 cam kết trong EVFTA tại khoản 1 điều 5 liên quan đến doanh nghiệp ưu tiên. Cụ thể, theo EVFTA thì Việt Nam phải đảm bảo cơ chế doanh nghiệp ưu tiên là minh bạch, hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính khả đoán cho các doanh nghiệp bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuy nhiên pháp luật Việt Nam hiện lại đang quy định tiêu chí về kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu ở mức rất cao mà thực tế sẽ không thể có doanh nghiệp nhỏ và vừa nào đáp ứng được.

Để giải quyết vấn đề này thì cần phải sửa đổi khoản 4 điều 10 của nghị định 08/2015/NĐ-CP về tiêu chí kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo hướng giảm bớt quy định mức kim ngạch xuất

nhập khẩu tối thiểu xuống tới mức mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể đáp ứng được.

Thứ hai, đối với pháp luật cạnh tranh: Những quy định về pháp luật cạnh tranh về cơ bản là phù hợp với các quy định về chính sách cạnh tranh trong CPTPP nhưng vẫn còn một số quy định của pháp luật Việt Nam vẫn chưa phù hợp và cần phải sửa đổi như:

Một là, đối với phạm vi điều chỉnh: Theo quy định tại điều 16.1 của Hiệp định CPTPP mỗi quốc gia phải áp dụng pháp luật cạnh tranh để điều chỉnh tất cả các hoạt động thương mại diễn ra trong lãnh thổ của mình và một quốc gia thành viên có thể áp dụng pháp luật cạnh tranh của quốc gia mình để điều chỉnh các hoạt động thương mại diễn ra bên ngoài lãnh thổ nhằm mục đích chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Trong khi đó, tại điều 2 của luật cạnh tranh 2004 thì chỉ tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam mới thuộc sự điều chỉnh của luật cạnh tranh

Vì vậy, để đảm bảo sự tương thích với những cam kết trong CPTPP cần phải sửa đổi điều 2 của Luật cạnh tranh 2004 theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật cạnh tranh.

Hai là, đối với cơ quan quản lý cạnh tranh: tại khoản 3 điều 16.1 của CPTPP có quy định mỗi quốc gia có quyền duy trì một hoặc nhiều cơ quan thực thi luật cạnh tranh nhưng phải đảm bảo tính công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp. Trong khi đó, tại Việt Nam cơ quan có quyền điều tra, xử lý cạnh tranh là Cục quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương. Mặt khác, Bộ Công Thương hiện nay là cơ quan chủ quản của nhiều doanh nghiệp thống lĩnh thị trường như Tập đoàn điện lực, Petrolimex... điều này sẽ dẫn đến không đảm bảo được tính công bằng, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp theo cam kết trong CPTPP

Vậy nên, cần phải thay đổi theo hướng tách Cục quản lý cạnh tranh ra khỏi Bộ Công Thương và là một cơ quan độc lập có nhiệm vụ điều tra, xử lý hành vi cạnh tranh để tạo ra sự công bằng và phù hợp với cam kết trong CPTPP.

Ba là, đối với pháp luật bảo vệ người tiêu dùng: Bảo vệ người tiêu dùng được quy định tại điều 16.6 trong chương chính sách cạnh tranh trong CPTPP theo đó người tiêu dùng được bảo vệ trong khu vực CPTPP. Trong khi đó, tại điều 2 của Luật bảo vệ Người tiêu dùng 2010 người tiêu dùng chỉ được pháp luật bảo vệ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, quyền lợi của người tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam vẫn chưa được điều chỉnh

Vì vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung quy định tại điều 2 của Luật bảo vệ người tiêu dùng 2010 để phù hợp với cam kết trong CPTPP theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam

3.2.1.2. Giải pháp về chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước

Để đảm bảo thực thi có hiệu quả cam kết trong các FTA mà Việt Nam đã tham gia, tận dụng tối đa những lợi ích mà các FTA mang lại, cơ quan quản lý nhà nước cần phải đưa ra các chính sách thực thi như:

Thứ nhất, ban hành các chính sách ưu đãi về thuế , tiền thuê đất...để khuyến khích đầu tư sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành dệt may giúp giải quyết vấn đề nhập khẩu vải từ Trung Quốc và Đài Loan cũng như đáp ứng được yêu cầu về quy tắc xuất xứ trong VKFTA, EVFTA và CPTPP;

Thứ hai, thực hiện các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ về vốn đầu tư như: khuyến khích các ngân hàng cho vay đầu tư với lãi suất thấp, bảo lãnh. Từ đó, giúp các doanh nghiệp trang bị các dây chuyền sản xuất hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường để hàng hóa của họ khi xuất khẩu không bị trả về;

Thứ ba, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải cách thủ tục hải quan, thực hiện thủ tục hải quan điện tử, C/O điện tử giúp các doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí, hạn chế các tiêu cực và tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, công bằng cho sự phát triển của các doanh nghiệp;

Thứ tư, các bộ, ban, ngành và hiệp hội dệt may nên phối hợp với các cơ quan về xúc tiến thương mại của chính phủ trong hoạt động đầu tư và mở rộng

thị trường, thông tin về các nghĩa vụ cam kết trong FTAs, về thị trường, về bạn hàng để các doanh nghiệp được biết thông qua các hoạt động như: tổ chức hội thảo, phát hành sách về các FTAs, v.v.

Thứ tư, xây dựng lộ trình bảo vệ môi trường, quản lý sản xuất hàng hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000, ISO 1400, SA 8000, v.v.

Thứ năm, tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn để đào tạo kiến thức kinh tế quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, luật thương mại quốc tế, kinh nghiệm ứng xử khi có tranh chấp, kiện tụng và các kỹ năng cần thiết khác cho doanh nghiệp;

Thứ sáu, thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm môi trường của các doanh nghiệp nhằm bảo vệ môi trường, thực thi hiệu quả các cam kết trong FTAs.

3.2.2. Đề xuất các giải pháp riêng cho doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế

3.2.2.1. Giải pháp đối với doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các khía cạnh pháp lý trong FTAs, ngoài việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, các chính sách của cơ quan nhà nước thì bản thân các doanh nghiệp phải chủ động thực hiện các giải pháp, cải cách để không gặp bất lợi như:

Thứ nhất, phải đầu tư và áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào hoạt động sản xuất. Như phân tích, một trong những mục tiêu mà FTAs hướng tới là việc công khai hóa thông tin nhằm chia sẻ thông tin giúp các doanh nghiệp các nước thành viên tiếp cận dễ dàng với những quy định trong các FTA. Để khắc phục thực trạng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất Dệt may hiện nay, các doanh nghiệp cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, đối với các doanh nghiệp Dệt may. Cần xây dựng những website riêng có của doanh nghiệp, nhằm công bố công khai những thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp hàng ngày, đồng thời cũng là kênh thông tin để đối tác tìm hiểu về doanh nghiệp của mình. Đối với những doanh

nghiệp đã xây dựng được website, phải duy trì, nâng cấp phù hợp với công nghệ thông tin hiện đại. Các website của doanh nghiệp cần phải có kết nối với các cổng thông tin của chính quyền địa phương, cổng thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước như cổng thông tin của sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Khoa học và Công nghệ, Cục Hải quan.v.v. nhằm nhanh chóng nắm bắt được các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, đặc biệt liên quan đến lộ trình xóa bỏ, cắt giảm thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa Dệt may từ các quốc gia là thành viên FTAs.

Hai là, đối với các cơ quan nhà nước liên quan, đặc biệt là Sở Công thương và Cục hải quan trên địa bàn Tỉnh cần hoàn thiện các website của đơn vị mình. Phổ biến và công khai kịp thời các chủ trương, chính sách cũng như các văn bản của các cơ quan nhà nước liên quan đến đầu tư, đất đai, chính sách, dự án đầu tư Dệt may, đặc biệt là các thông tin về FTAs để các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt cơ chế cũng như các cơ hội kinh doanh nhằm hoàn toàn chủ động trong hoạt động đầu tư, kinh doanh của mình.

Ba là, các doanh nghiệp Dệt may cần phải chủ động đổi mới một phần hoặc toàn bộ dây chuyền sản xuất hiện đại, tiến tới tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã, chủng loại hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Phải xây dựng được chiến lược về đầu tư công nghệ, đặc biệt là công nghệ mới trong sản xuất dệt may trước những sự cạnh tranh khốc liệt từ các thị trường đối với lại hàng hóa dệt may này.

Thứ hai, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động của các doanh nghiệp Dệt may. Nhân tố con người luôn có vai trò quyết định đến chất lượng hàng Dệt may mà doanh nghiệp sản xuất ra. Điều này cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của chất lượng đội ngũ lao động trong môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi tham gia FTAs. Qua số liệu điều tra cho thấy, hiện nay đội ngũ lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh đa số không có chuyên môn, chưa được đào tạo đúng ngành nghề, đặc biệt tầm nhìn và kiến thức quản lý của đội ngũ doanh nhân trong các doanh nghiệp đang rất hạn chế dẫn tới chất

lượng hàng Dệt may sản xuất ra chất lượng không cao, chủ yếu xuất khẩu ở dạng nguyên liệu thô. Để khắc phục yếu điểm này, cần có những giải pháp sau:

Một là, từ phía các doanh nghiệp Dệt may, cần phải có tầm nhìn khi tuyển dụng lao động, tuyển dụng lao động phải đúng ngành nghề, đúng vị trí lao động. Có kế hoạch cho lao động, đặc biệt là lao động kỹ thuật đi đào tạo các khóa học để nâng cao tay nghề, đặc biệt là các khóa học liên kết với các nước là thành viên FTAs tổ chức, để lao động của doanh nghiệp mình có cơ hội tiếp cận thị trường, học tập khoa học công nghệ cũng như tác phong làm việc tại các nước là đối thủ cạnh tranh của mình.

Thứ hai, đối với đội ngũ doanh nhân trong các doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn Tỉnh cần theo học các khóa đào tạo về quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự để nâng cao năng lực quản lý, tiếp cận linh hoạt các thông tin từ thị trường. Đặc biệt là cần tham gia các hội thảo tìm hiểu về FTAs do phòng Thương mại và Công nghiệp tổ chức cho các doanh nhân để hiểu hơn FTAs, nhằm có tầm nhìn cũng như giải pháp để đón nhận FTAs một cách hiệu quả.

Thứ ba, *đầu tư tài chính để mở rộng quy mô sản xuất*. Nguồn lực tài chính là yếu tố quyết định đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Như đã phân tích, các doanh nghiệp đến từ các bên trong FTAs hầu hết là các doanh nghiệp có năng lực tài chính mạnh, do đó việc cạnh tranh trong một môi trường chung được tạo ra từ FTAs là một bất lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh, đặc biệt là những doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, hơn lúc nào hết tăng cường năng lực tài chính là giải pháp tồn tại đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điều này có thể thực hiện thông qua các giải pháp sau đây:

Một là, huy động nguồn vốn từ nội lực của các doanh nghiệp, như tăng nguồn vốn góp của chủ đầu tư, phát hành trái phiếu, cổ phiếu để huy động vốn từ công chúng.

Hai là, chủ đầu tư tiến hành vay vốn từ các tổ chức tín dụng hoặc các nguồn vốn khác để tăng vốn điều lệ cho công ty mình.

Ba là, về phía cơ quan nhà nước trên địa bàn cần tăng cường hỗ trợ về mặt tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua chính sách tài chính hàng năm. Ngoài ra, cần phải làm việc với ngân hàng trên địa bàn Tỉnh để có cơ chế ổn định lãi suất tiền vay, mức lãi suất tiền vay phù hợp với tình hình của các doanh nghiệp trong từng giai đoạn cụ thể, đặc biệt là phải kiểm soát được hoạt động cạnh tranh huy động vốn từ các ngân hàng dẫn đến tăng lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp.

Thứ tư, *phải chuyển dịch sản xuất phù hợp*. Nhận thấy các cơ hội mang lại từ các quy định pháp lý, các chính sách dành cho các quốc gia thành viên trong các FTAs, chúng ta phải chuyển dịch sản xuất phù hợp, bám sát các cam kết mà các hiệp định đã thỏa thuận. Vì vậy, phải làm từ thiết kế, nguyên liệu trong nước thì doanh nghiệp mới lấy được lợi ích hiệu quả của Hiệp định Thương mại trên. Đồng thời, tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các thông tin và quy định trong các FTAs phải chủ động tham gia liên kết, thông tin giữa các doanh nghiệp dệt may với nhau, với hiệp hội dệt may và với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ, giúp đỡ để có sự chuẩn bị tốt nhất đón nhận FTAs. Chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác để tiêu thụ sản phẩm. Từ đó, nâng cao năng suất, mở rộng quy mô sản xuất giúp các doanh nghiệp phát triển. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa trong FTAs để hàng hóa khi xuất khẩu không bị trả về.

Thứ năm, *cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để đối phó lại với các rào cản từ FTAs*. Như phân tích trên đây, khi Việt Nam tham gia FTAs, bên cạnh những tác động tích cực, thì các rào cản về thuế quan, về thủ tục hành chính, v.v, thật sự là những trở ngại lớn đối với các doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Để tránh bị ép giá, đánh thuế quan cao hoặc bị áp dụng các biện pháp PVTM lên mặt hàng Dệt của doanh nghiệp mình, các doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh bằng cách đa dạng hóa thị trường, nếu một thị trường nào đó cảm thấy bất ổn về thuế, về giá cả thì các doanh

nghiệp cần chuyển sang xuất khẩu ở thị trường khác để tránh những thiệt hại xảy ra và chủ động được trong khâu sản xuất đầu ra, đầu vào.

Thứ sáu, các doanh nghiệp Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế cần có tư duy xây dựng chiến lược kinh doanh bao gồm việc sử dụng biện pháp PVTM. Việc hội nhập kinh tế ngày càng sâu, rộng như hiện nay đã tạo điều kiện cho hàng hóa doanh nghiệp nước ngoài tuôn vào, đồng thời là cơ hội để các doanh nghiệp Dệt may xuất khẩu hàng ra nước ngoài, điều này sẽ không tránh khỏi những hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ hàng Dệt may nước ngoài, dẫn đến các vụ kiện PVTM sẽ hoàn toàn xảy ra. Nhằm khai thác các tác dụng của biện pháp PVTM, cũng như tạo sự chủ động để đối phó với tác động tiêu cực đến từ hàng hóa nhập khẩu, thì ngay từ khâu xây dựng phương án kinh doanh, doanh nghiệp cần xem việc sử dụng biện pháp PVTM là một trong những công cụ kinh doanh của mình. Điều này giúp doanh nghiệp luôn chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho việc kiện PVTM, gạt bỏ tâm lý e ngại, sợ lộ bí mật kinh doanh như thực trạng ở nhiều doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Để sử dụng hiệu quả các công cụ PVTM cần tham khảo ý kiến tư vấn của luật sư và tham vấn của Cục Quản lý cạnh tranh. Cụ thể, kiện PVTM là một thủ tục pháp lý phức tạp và dài hơi, đây là rào chắn làm cho đa số doanh nghiệp Việt Nam khó vượt qua. Nhằm sử dụng thành công và phát huy hết tác dụng của biện pháp PVTM, doanh nghiệp cần: (i) Phải chứng minh được đã có dấu hiệu của hành vi bán phá giá, trợ cấp từ Chính phủ hoặc đã có hiện tượng hàng hóa nhập khẩu tăng đột biến gây thiệt hại cho mình. Đây là việc đầu tiên khởi đầu cho một vụ kiện PVTM, do đó buộc doanh nghiệp, đặc biệt là bộ phận pháp chế phải có những tìm hiểu pháp luật về PVTM, từ đó đưa ra những tư vấn chính xác, hiệu quả cho doanh nghiệp để bắt đầu việc khởi kiện; (ii) Chủ động kết nối nhóm doanh nghiệp khởi kiện và tập hợp các số liệu, các thông tin cần thiết cho vụ kiện. Ngay trong hoạt động kinh doanh thường ngày, doanh nghiệp cùng ngành Dệt may cần phải có sự kết nối, trao đổi thông tin, khi phát hiện có hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc nhập khẩu ồ ạt, cần liên lạc với nhau để chủ động trao đổi, tập hợp các số liệu liên quan nhằm xác định

có hay không dấu hiệu vi phạm, từ đó cùng nhau dự thảo đơn kiện. Hoạt động này giúp doanh nghiệp Dệt may hoàn toàn chủ động, tự tin về tư cách đi kiện, cũng như những số liệu luôn cập nhật, chính xác và có sự thống nhất cao; (iii) Tham khảo ý kiến tư vấn của luật sư và tham vấn từ Cục Quản lý cạnh tranh trong việc dự thảo đơn kiện, thu thập và tập hợp chứng cứ. Sau khi đã xác định chính xác có hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc nhập khẩu ồ ạt gây thiệt hại đến từ hàng hóa nhập khẩu, bước tiếp theo là dự thảo đơn kiện. Đơn kiện phải đầy đủ thông tin, đúng về mặt kỹ thuật, đây là công việc phức tạp, cần sự trợ giúp từ các chuyên gia có kinh nghiệm về kiện PVTM. Ở bước này, các doanh nghiệp cần tham khảo ý kiến của luật sư, cũng như tham vấn ý kiến của Cục Quản lý cạnh tranh để hoàn thành các nội dung trong dự thảo đơn kiện. Về phía Cục Quản lý cạnh tranh, cần tổ chức một bộ phận riêng để giúp các doanh nghiệp rà soát, bình luận, bổ sung những nội dung còn thiếu sót trong dự thảo đơn kiện trước khi gửi cho cơ quan điều tra, đặc biệt là giúp doanh nghiệp tiếp cận các số liệu tại cơ quan thuế và hải quan nhằm minh chứng cho những nội dung trong đơn kiện. Công việc này thực sự hữu ích đối với doanh nghiệp, bởi sẽ giúp họ yên tâm rằng, đơn kiện khi được tham vấn sẽ không mắc phải các thiếu sót và việc khởi xướng điều tra vụ kiện chỉ còn là vấn đề thời gian.

3.2.2.2. Đối với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, đầu tư, xây dựng và duy trì các webstie chung giữa các doanh nghiệp trong ngành Dệt may. Phải nói rằng, trong thời kỳ công nghệ 4.0 hiện nay, việc tiếp cận và xử lý thông tin là một trong những yếu tố quyết định thành công đối với hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng và duy trì hoạt động của website chung là kênh để truyền đạt các thông tin hữu hiệu đến từng doanh nghiệp Dệt may, là kênh để các doanh nghiệp Dệt may tiếp nhận những thông tin thống nhất từ những hoạt động thương mại cho đến những chính sách cũng như những thay đổi cơ chế khi Việt Nam tham gia các FTA. Đặc biệt, website là nơi các doanh nghiệp Dệt may có thể chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, và hơn thế nữa

là tiếng nói chung giúp các doanh nghiệp Dệt may cùng hành động chung trong việc đối phó với các vụ kiện, cũng như kiện PVTM đối với hàng hóa nước ngoài.

Thứ hai, các doanh nghiệp trong ngành dệt may cần tổ chức các hội thảo để cùng trao đổi kinh nghiệm. Khi thực thi FTAs, các rào cản như về thuế quan, về thủ tục hành chính, về môi trường làm cản trở đến hoạt động mọi doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, mỗi doanh nghiệp đều có những cách giải quyết riêng cho mình để tiếp cận các thị trường xuất khẩu, trong đó có sự thành công và tất yếu không tranh khởi những giải pháp thất bại. Do đó, Hiệp hội cần tổ chức những hội thảo chia sẻ kinh nghiệm nhằm giúp các doanh nghiệp thành viên học tập, rút kinh nghiệm để xử lý hiệu quả những vướng mắc xuất khẩu hàng Dệt may qua các nước trong thành viên FTAs.

Thứ ba, cần đại diện cho quyền lợi của các doanh nghiệp Dệt may bằng những hành động và tiếng nói chung. Sự đơn độc của một, một vài doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu là yếu thế khi xảy ra các tranh chấp, hoặc bị khởi kiện tại các thị trường nhập khẩu. Vì vậy, để huy động toàn bộ sức mạnh từ các doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn Tỉnh thậm chí phối hợp với ngành Dệt may cả nước để tạo nên tiếng nói, hành động chung là một giải pháp hữu hiệu, là chiến lược xuất khẩu mà Hiệp hội doanh nghiệp Tỉnh cần làm đầu mối chủ trì gắn kết, thực thi.

3.2.2.3. Đối với các cơ quan nhà nước liên quan trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thứ nhất, chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn. Để hoạt động sản xuất hàng Dệt may của các doanh nghiệp trên địa bàn càng phát triển, điều tiên quyết đầu tiên là cần có hệ thống điện, nước, đường, và công trình vệ sinh môi trường đảm bảo. Như đã phân tích, một trong những rào cản của doanh nghiệp Dệt may khi tham các FTA là đảm bảo an toàn với môi trường. Do đó, để đạt số lượng, chất lượng cũng như đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, thì bên cạnh nội lực của doanh nghiệp, cần có sự hỗ trợ không thể thiếu từ các giải pháp vĩ mô, đồng bộ

từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, đó là cần quy hoạch mạng lưới điện, đường phù hợp, thuận tiện, ổn định cho hoạt động sản xuất diễn ra được thuận lợi. Đặc biệt, UBND tỉnh cần có sự đầu tư, thu hút đầu tư hoặc phối hợp với các doanh nghiệp Dệt may để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường xung quanh các khu công nghiệp Dệt may nhằm giúp các doanh nghiệp chủ động trong điện, nước và đặc biệt là đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đáp ứng yêu cầu đặt ra từ các FTA mà Việt Nam tham gia.

Thứ hai, điều chỉnh, ổn định giá đất, giá cho thuê mặt bằng. Để thu hút và tạo điều kiện ổn định sản xuất cho các doanh nghiệp Dệt may, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh với hàng Dệt may nước ngoài. Một trong những trở ngại của các doanh nghiệp Dệt may hiện nay là giá cả thuê mặt bằng, giá đất không ổn định, làm trở ngại bước đầu tư của doanh nghiệp Dệt may vào tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, để bảo đảm quyền lợi cho các doanh nghiệp Dệt may, UBND tỉnh cần có những tác động vĩ mô, điều chỉnh giá đất, giá thuê mặt bằng ổn định, có sự ưu đãi để thu hút và thúc đẩy hoạt động đầu tư vào Dệt may hơn nữa.

Thứ ba, cần hỗ trợ doanh nghiệp Dệt may về vốn đầu tư. UBND với tư cách là chủ thể quản lý trên địa bàn, do đó cần chủ trì tổ chức các hội nghị giữa các doanh nghiệp Dệt may với các ngân hàng đóng trên địa bàn của Tỉnh để tìm ra các giải pháp nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp Dệt may tiếp cận dễ dàng các khoản tiền vay, phục vụ cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu.

Thứ tư, tập huấn, chủ trì tổ chức hội thảo giữa các doanh nghiệp Dệt may với nhau, giữa doanh nghiệp Dệt may với cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Một trong những kênh quan trọng để các doanh nghiệp Dệt may tiếp cận các chính sách của địa phương, đồng thời là diễn đàn để doanh nghiệp Dệt may chia sẻ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, xuất khẩu của mình là thông qua các buổi hội thảo, gặp gỡ giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn, đặc biệt là Sở Công thương, các ngân hàng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, v.v. Đây được xem là kênh hữu hiệu để cơ quan nhà nước lắng nghe, có những giải pháp giúp doanh nghiệp Dệt may tháo gỡ những vướng mắc, những khó khăn trong quá

trình hoạt động. Do đó, với vai trò là cơ quan quản lý chung, UBND Tỉnh cần chỉ đạo, chủ trì thương xuyên các buổi hội thảo, các cuộc họp để kịp thời tháo gỡ, hướng dẫn những chính sách mới, những quy định mới để giúp doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn Tỉnh tiếp cận hiệu quả các FTA khi Việt Nam là thành viên cam kết thực hiện.

Kết luận chương 3

Trong Chương 3, nhóm nghiên cứu đã đạt được những kết quả nghiên cứu cụ thể sau đây:

(i) Đề xuất được giải pháp về hệ thống pháp luật giúp đảm bảo sự tương thích giữa các quy định của pháp luật trong nước với các cam kết trong FTAs;

ii) Đề xuất được giải pháp về các chính sách của cơ quan nhà nước giúp giải quyết những vấn đề về nguyên phụ liệu trong quy tắc xuất xứ của FTAs, xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường phù hợp với quy định của FTAs, cải cách thủ tục hải quan, thủ tục hành chính, hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may về vốn, nguồn nhân lực.

Đặc biệt, trên cơ sở phân tích những tác động ở Chương 2, nhóm nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu hàng Dệt may của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, khi thực thi các cam kết trong các FTAs. Cụ thể:

(i) Các giải pháp nâng cao năng lực của chính các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu hàng Dệt may;

(ii) Các giải pháp từ ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm hỗ trợ, kết nối các doanh nghiệp Dệt may để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc bởi các cam kết pháp lý trong FTAs khi thực hiện hoạt động xuất khẩu sang các nước thành viên;

(iii) Về phía cơ quan nhà nước trên địa bàn, đặc biệt là UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cần phải có những hỗ trợ về mặt chính sách, đất đai, thuế, v.v, để giúp nâng cao năng lực xuất khẩu của các doanh nghiệp Dệt may trên địa bàn Tỉnh.

KẾT LUẬN

Hàng Dệt may là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực có tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định. Trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu hàng Dệt may đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước, xuất khẩu hàng Dệt may mang lại cho đất nước một nguồn thu ngoại tệ lớn, giúp chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế kéo theo sự phát triển của các ngành khác có liên quan như ngành trồng bông, ngành phân bón, giao thông vận tải hay thanh toán quốc tế, v.v, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, góp phần tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Ngoài việc phân tích vai trò cũng như các yếu tố tác động của hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu hàng Dệt may nói riêng, thì công trình đã tập trung nghiên cứu những quy định về hàng Dệt may trong các hiệp định VKFTA, EVFTA và CPTPP như: mức độ và lộ trình để ngành dệt may được hưởng các ưu đãi thuế quan, các điều kiện về quy tắc xuất xứ mà các doanh nghiệp Dệt may phải đáp ứng được nếu muốn được hưởng ưu đãi, các quy định về thủ tục hành chính, thủ tục Hải quan đảm bảo sự thông thoáng cho hoạt động của doanh nghiệp, phải đảm bảo môi trường đầu tư công bằng, bình đẳng và minh bạch dành cho các nước thành viên, nhận thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong sự phát triển kinh tế bền vững FTAs còn đưa ra những quy định về bảo vệ môi trường mà các nước thành viên phải tuân thủ trong quá trình phát triển nền kinh tế. Từ đó giúp cho nhóm nghiên cứu có thể nắm rõ những quy định, những khía cạnh pháp lý liên quan đến ngành Dệt may trong FTAs. Đồng thời, công trình đã tập trung nghiên cứu tìm hiểu tình hình thực tiễn tác động những quy định về Dệt may trong FTAs tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ những cơ sở lý luận nêu trên, công trình đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng Dệt may, đặc biệt đã đề xuất và làm rõ các giải pháp sát thực và hữu ích giúp các doanh nghiệp sản xuất hàng Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa

Thiên Huế đạt hiệu quả trong hoạt động xuất khẩu của mình sang các thị trường là thành viên của FTAs, đặc biệt là các hiệp định AKFTA, EVFTA, và mới nhất là CPTTP.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Tú Nga (2012), *giải pháp phát triển ngành dệt may thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế, Tp.Đà Nẵng.
2. Phan Thanh Hoàn (2017), *Cơ hội và thách thức của Dệt may Việt Nam trong bối cảnh gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương*, Tạp chí khoa học-Đại học Huế, (số 126), tr. 137-184.
3. Sở công thương Hà Nội (2016), *Cẩm nang về các Hiệp định thương mại tự do dành cho doanh nghiệp Dệt may*, Nxb Công thương, Hà Nội.
4. Sở công thương tỉnh Thừa Thiên Huế (2016), *giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo mặt hàng và chi tiết theo nước*.
5. TS. Nguyễn Đình Cung, TS. Trần Toàn Thắng (2017), *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU: tác động đến thể chế và điều chỉnh chính sách*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Vũ Thanh Hương (2015), *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU: tác động động đối với thương mại hàng hóa giữa 2 bên và hàm ý cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế quốc tế, Tp. Hà Nội.
7. Bộ Công Thương (2016), *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU số tay cho doanh nghiệp Việt Nam*,
file:///E:/T%C3%80I%20LI%E1%BB%86U%20L%C3%80M%20KH%C3%93A%20LU%E1%BA%ACN/EVFTA/evfta-sotay_doanh_nghiep_updated_161003.pdf, truy cập Thứ tư ngày 04/04/2018.
8. Bộ Công Thương (2017), *tài liệu hội thảo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam*,
http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/tpp/attachments/3_2017.4.12_evfta_overview_da_nang_binh_duong_final.pdf, truy cập Thứ tư ngày 04/04/2018.
9. Bảo Châu-Hải Linh (2016), *cải cách thủ tục hải quan: Giảm 30% thời gian thông quan hàng hóa*, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/nhip-song->

tai-chinh/2016-03-11/cai-cach-hai-quan-giam-30-thoi-gian-thong-quan-hang-hoa-29504.aspx, truy cập Thứ ba ngày 20/03/2018.

10. Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế (2017), *tập trung giải quyết các vấn đề về lao động, việc làm*, <https://www.thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-ket-luan-48/tid/Tap-trung-giai-quyet-cac-van-de-ve-lao-dong-viec-lam/newsid/87969C01-1B3A-472E-9625-A7AF010D159A/cid/2BEA0540-FCA4-4F81-99F2-6E8848DC5F2F>, truy cập Thứ ba ngày 17/04/2018.

11. CIEM (2010), *Báo cáo nguyên cứu năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trong 3 ngành May mặc, Thủy sản và Đầu tư ở Việt Nam*, <file:///E:/T%C3%80I%20LI%E1%BB%86U%20L%C3%80M%20KH%C3%93A%20LU%E1%BA%ACN/t%C3%A0i%20li%E1%BB%87u%20tham%20kh%E1%BA%A3o/TAFExportCompetitivefinal.pdf>, truy cập Thứ hai ngày 09/04/2018.

12. Lê Hồng Thuận (2017), *Báo cáo ngành dệt may*, http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/PhanTichBaoCao/Nganhdetmay_1217_FPTS.pdf, truy cập Thứ năm ngày 05/04/2018.

13. Lê Hồng Hiệp (2015), *đánh giá tác động sơ bộ của TPP đối với Việt Nam*, <http://nghiencuuquocte.org/2015/11/09/danh-gia-so-bo-tac-dong-cua-tpp-doi-voi-viet-nam/>, truy cập Thứ hai ngày 26/03/2018.

14. Mutrap (2017) *Sổ tay quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam là thành viên* http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/icb-46_so_tay_quy_tac_xuat_xu_trong_fta_v_1.pdf, truy cập Thứ bảy ngày 07/04/2018.

15. Mutrap (2011) *Báo cáo đánh giá tác động của quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam* http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/wto/danh_gia_tac_dong_cua_roo_trong_cac_fta.pdf, truy cập Thứ bảy ngày 07/04/2018.

16. Nguyễn Tú (2016), *Chính sách cạnh tranh trong TPP- tác động đến nội luật hóa và hoạt động cạnh tranh ở Việt Nam*,

http://v1.ou.edu.vn/ncktxh/AnhHoatDong/TPP_T03_2016/Seminar_Ch%C3%A1Dnh%20s%C3%A1ch%20c%E1%BA%A1nh%20tranh%20trong%20TPP.pdf,

truy cập Thứ hai ngày 16/04/2018.

17. Nguyệt Anh vũ (2014), *Báo cáo ngành dệt may*,

[\[http://investvietnam.gov.vn/FileUpload/Documents/Ph%C3%A2n%20t%C3%A1Dch%20-%20b%C3%A1o%20c%C3%A1o%20ng%C3%A0nh%20d%E1%BB%87t%20may/Vietinbank%20SC%20Ng%C3%A0nh%20d%E1%BB%87t%20may%20Vi%E1%BB%87t%20Nam\\(1\\).pdf\]\(http://investvietnam.gov.vn/FileUpload/Documents/Ph%C3%A2n%20t%C3%A1Dch%20-%20b%C3%A1o%20c%C3%A1o%20ng%C3%A0nh%20d%E1%BB%87t%20may/Vietinbank%20SC%20Ng%C3%A0nh%20d%E1%BB%87t%20may%20Vi%E1%BB%87t%20Nam\(1\).pdf\), truy cập Thứ ba ngày 17/04/2018.](http://investvietnam.gov.vn/FileUpload/Documents/Ph%C3%A2n%20t%C3%A1Dch%20-</p></div><div data-bbox=)

18. TS. Bùi Hữu Đạo (2010), *Nâng cao khả năng đáp ứng các quy định tiêu và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*,

<https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2010/05/21/5028/>, truy cập Thứ sáu 20/04/2018.

19. Thanh Hương (2015), *cơ hội song hành cùng thách thức*,

<http://baothuathienhue.vn/co-hoi-song-hanh-cung-thach-thuc-a17240.html>, truy cập Chủ nhật ngày 25/03/2018.

20. VCCI (2015), *Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại*,

http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/publications/wto_center_ban_tin_1.2.3_dn_tdhtm.pdf, truy cập Thứ hai ngày 16/04/2018.